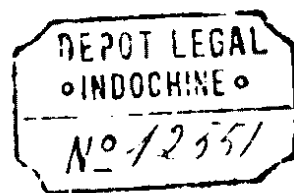


**SỔ BẢO
MÙA XUÂN
1930**

PHU-NỮ TÂN-VĂN



*Nghe nói xuân vừa đến,
Tìm xuân chẳng thấy xuân;
Đầu cành mai chiêng trò,
Xuân đã vẹn mười phần.*

GIÁ MỖI CUỐN: 0,25

PHỤ-NỮ' TÂN-VĂN
Journal des Femmes

Tuần báo xuất bản ngày thứ năm

Tòa-soạn và ty Quản-lý (Rédaction et Administration)
42 Rue Catinat — Saigon — Téléphone 566

Giá báo (Tarif d'abonnement)

Một năm	(1 an)	6\$00	Ba tháng	(3 mois)	1\$80
Sáu tháng	(6 mois)	3,50	Một số	(le numéro)	0,15

Giá đăng quảng-cáo (Tarif de publicité)

(Giá mỗi tháng — Prix par mois)

Trọn trang bìa, giấy tốt, in màu

(Page de couverture, impression en couleur sur beau papier): 400 \$ 00

In ở trong có bài (sur les pages de texte)

Một trang (la page)	200\$	Phân tư trang (1/4 de page)	70\$
Nửa trang (1/2 page)	120\$	Phân tám trang (1/8 id.)	50\$

In ở trong ngoài (sur les pages ordinaires)

Một trang (la page)	160\$	Phân tư trang (1/4 de page)	50\$
Nửa trang (1/2 page)	90\$	Phân tám trang (1/8 de page)	30\$

Có ký tờ hợp-đồng sáu tháng hay một năm thì trừ 20 %.
(Réduction de 20 % pour les contrats de 6 mois ou d'1 an)

Mua báo và đăng quảng-cáo phải trả tiền trước, gởi cho

M. Nguyễn-Duc-Nhuân

Chủ-nhiệm báo Phụ nữ Tân-văn

42, rue Catinat — SAIGON

SỔ BÁO MÙA XUÂN

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN

XUẤT BẢN NGÀY 30 JANVIER 1930

XUÂN...



Vui xuân vui khắp xa gần,
Lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng-tàng.
Đốt hương nguyện với Xuân-hoàng :
Sao cho nước cũ ngày càng thêm xuân?



Xuân tới xuân đi, xuân
chẳng ở;
Có yêu xuân, xin chờ
phụ ngày xuân.
Chợ đình-hoàn đương
giữa lúc chen chân,
Chúc xuân mới quốc-
dân mau tân-bộ.

.....
.....
Bàn đốt tay, xuân đã ngoài bốn ngàn,
Non nước ấy, biết bao tuần bỉ thái.

.....
.....
Khuyên nhau trọn đạo làm dân....

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN



XUÂN VỚI PHỤ-NỮ

HAY LÀ

Cảm tưởng của Phụ-nữ về mùa xuân

Số báo đặc-biệt này của Phụ-nữ Tân văn là «Sô Mùa Xuân», chứ không phải «Sô Tết» như người ta quen gọi. Mà cái tên gọi là sô Mùa Xuân cũng không phải rằng không có nghĩa.

Ở vào thời-dại này, dương-lịch thông-hành hầu khắp cả bầu trời, cái vận-mạng âm-lịch chỉ còn hơi thoi-thóp, thì ngày đầu năm của nó còn có giá-trị được là bao. Huông chi, tâm-lý người đời nay, đều lấy ngày quốc-khánh làm vẻ-vang, đáng vui mừng, còn đời với ngày đầu năm lại coi ra lạt-lẻo; chúng ta chưa có ngày quốc-khánh, thà chịu thiếu còn hơn, chứ vui-mừng trong ngày Tết, có nghĩa gì đâu! Bởi vậy, thiệt tình Phụ-nữ Tân-văn chẳng lấy cái Tết làm quan-hệ mấy.

Phụ-nữ chúng tôi lấy làm quan-hệ, ấy là «Xuân».

Cái xuân của trời đất đời với muôn vật, đời với loài người, thật là có công dày, ơn nặng: chim-muòag cây cỏ, phát-sanh ra cũng nhờ mùa xuân; cái sanh-kê trong một năm của người ta cũng bắt đầu ở mùa xuân. Khí-dương đâm-âm, soi chẳng riêng ai; mưa móc đượm-nhuần, tưới đều khắp chôn. Tốt thay mùa xuân! Lớn thay mùa xuân!

Nhưng, về phần phụ-nữ, đời với xuân lại như có vẻ mặn-mà riêng. Kia Đông-hoàng hay Thanh-đê, nếu chẳng phải câu chuyện đặt điều, thì trong khi ngự gió đông mà đèn, chắc đã hén-hò trước với hoa đào, đâu có phải là tình-cờ gặp gỡ. Nếu như có thể, thì chúng ta cũng nên đứng trước mặt loài người mà giành mùa xuân làm mùa riêng của phụ-nữ chúng ta.

Lạ làm sao! Tuổi của phụ-nữ thì gọi là xuân-xanh; tình của phụ-nữ thì gọi là xuân-tình; chỗ phụ-nữ ở thì kêu bằng xuân-khuê; cho đến cặp chơn-mây, cũng có biểu-hiệu là xuân-sơn; cái giận đáng chi, mà cũng tô-diểm là xuân-hận! Đem chúa xuân cặp đôi với khách má-hóng, ấy chẳng phải tại người đời đa-sự; không nhưng ai có đặt điều nọ kia.

Kia phụ-nữ có sắc đẹp, như cảnh mùa xuân tốt tươi; có tánh ôn-hòa, như ngày mùa xuân ấm-áp; có đức báo-sanh, khác nào mùa xuân gọi-nhuần muôn vật; có công sanh-sản, khác nào khí xuân phát-dục mọi loài. Như vậy, sánh xuân cùng phụ-nữ, lấy xuân làm biểu-hiệu cho đàn bà, nào ai dám bảo rằng không đáng? Mà khi chúng ta ở trong cảnh thiếu-quang chín chục, sao lại không có cái cảm-tưởng khác với người đời?

Bông đào thơ-thở, vui vì duyên may; trái mai ba bảy, lo cho phận muộn; tiếng oanh vàng gọi tâm lòng tìm bạn; màu tơ xanh xui nhớ khách đàng xa; nách tường bay ngang bông liễu, cảm phận mỏng bơ-vơ; chun trời xanh tiện cỏ non, chạnh lòng thơ lai-láng. Trong một xuân biết bao nhiêu là cảnh; trong một cảnh biết bao nhiêu là tình. Cảnh đã như vì ai mà gọi-trêu; tình lòng những cùng xuân mà vãn-vít.

Song le, đó chẳng qua là những cái tình-cảm riêng của từng người, chưa phải chung của toàn-thể phụ-nữ; vả lại là chuyện trăm năm cũ, chứ chưa phải cái tâm-sự hiện thời.

Chúng ta ngày nay ở vào thời-dại mới, gặp



mùa xuân mới, tình nấy cảnh ấy, lại càng ngổn-ngang trăm mối bên lòng hơn ai. Phụ-nữ Tân-văn đã là co-quan của một đoàn-thể, lại gặp nhằm ngày xuân thứ nhất của tuổi mới lột lòng, tưởng rất nên đem một vài mối cảm-hoài cao-thượng, mà giải-bày cho người đời được biết.

Gió đông, ánh sáng dịu, cỏ như nệm, hoa như gấm, đào hồng, liễu lục, giọng oanh thánh-thót, .. ấy là cái dầu-vết của xuân tan-tác ra trong muôn vật. Ngoài những dầu-vết ấy, biết tìm đâu nữa cho thấy cái xuân? Tìm không thấy, mà ngó tường-tượng ra lại thấy : thấy nó trong bốn chữ «Trừ cựu, canh tân» mà thôi vậy.

Vì có ai bắt nhấm mắt lại mà cắt nghĩa xuân là gì, thì ta sẽ cắt nghĩa xuân là «mới». Đó đó mà sanh ra mối cảm-tưởng.

Chúng ta hết thấy ở dưới cái chế-độ cũ, sống bằng cách sanh-hoạt cũ, chịu kém về học-thức, chịu thiệt về quyền-lợi ; bấy lâu như bị ngột trong cái cảnh mùa đông thấu-tàng và bê-tắc. Bấy giờ đây, muốn thoát ra khỏi cái cũ, chúng ta phải tự làm nên mới.

Từ ngày Phụ-nữ Tân-văn ra đời đến nay, chỉ nhằm theo một cái mục-dích là «canh-tân», mà canh-tân cho phải đường. Cái «mới» mà chúng ta mong mới, không phải là chữ tự-do đầu lười, câu bình-đẳng ngoài môi; không phải là theo lời phụ-sức kim-thời, cũng không phải là bỏ bổn-phận chôn gia-đình mà chen-chức với đám tu-mi, để giành nhau những cái danh vô lợi hại. Chúng ta ao ước làm sao cho tự mình có đủ học-thức có đủ tư-cách, đối với nhà thì là dâu thảo mẹ hiền, đối với nước thì là nữ-quốc-dân xứng-dáng.

Bây nhiêu điều đó nói nghe thì dễ mà làm-khó; nói trong mây lời là hết, mà làm ra

không biết bao giờ cho rồi. Bởi vậy, gặp được mùa xuân, ấy là một dịp làm cho nông chí chúng-ta ; vì mỗi một lần xuân là một lần mới, thì mỗi một lần gặp xuân là một lần giục lòng đổi mới vậy.

Chúng ta không bắt chước chị em các nước mà đòi bình-quyền, đòi tham-chánh, đòi những việc quá bổn-phận mình làm chi. Có mấy cái vắn-đẽ rất khẩn-yêu cho chúng ta ngay trước mắt mình đây, là trước phải lo cho xong nghĩa-vụ đối với gia-đình, thứ đến phải lo tự-lập và đường kinh-tê, sau nữa phải lo tự mình giải-phóng cho mình, khỏi chịu sự áp-bách của chế-độ cũ. Làm xong mấy việc ấy, tức là có công-lao với quốc-giã, với dân-tộc ; chứ không cần mỗi người đều ra gánh-vác việc nước, mới là nữ-kiệt, mới là anh-thơ. Vì việc đó là việc riêng của một vài người như bà Triệu bà Trưng ; còn ta đây, toàn-thể phụ-nữ Việt-nam, ta phải có công-việc của ta vậy.

Nói chi thì nói, làm chi thì làm, rút lại duy có một điều cốt-yếu mà thôi, ấy là học-thức. Miễn là cái trình-độ học-thức của ta cho càng ngày càng cao lên, bấy giờ muốn mọi sự đều được, làm mọi sự đều được. Cho được trình-độ càng cao, thì cần phải mới. Phải mới hoài-hoài.

Xuân này ta đã mới rồi, xuân sau ta còn mới nữa. Xuân này có những sự ta chưa mới được, xuân sau ta sẽ mới những sự ấy. Hóa-công lấy sức động làm cho xuân nên mới ; chúng ta lấy sức học-văn làm cho mình và xã-hội nên mới. Xuân đi rồi xuân trở lại, năm tháng mới luôn luôn ; ta cũng theo xuân mà mới luôn luôn. Ấy là cái cảm-tưởng chung của phụ-nữ Việt-nam trong mùa xuân này vậy.

PHỤ-NỮ TÂN-VĂN.





Bức tranh chữa bệnh

Xuân đã sang; khí-hậu êm-dềm, cỏ-hoa tươi-tốt. Trong vườn nhà kia, trăm cây hải-đường, nhánh tơ mon-mỏn, lá xanh hoa thắm, phủ kín từ ngọn tới gốc, trông tựa như những bức tranh thêu... Một người quả-phu, tuổi con đương xuân, một mình đứng dưới gốc cây vơ-vẩn. Bỗng chốc ngấm cảnh sanh sầu, hai hàng lụy rơi lả-chã!

Quả-phu người họ Trần, quê ở Hồ-Bắc, con nhà hào-phú, có nhan-sắc tuyệt thế, lại có tài học hơn người, duy bình-sanh có một tánh ghen, có lẽ đàn bà khắp trong thiên-hạ, không ai ghen bằng!

Nàng nằng 18 tuổi, kết-duyên với một nhà văn-sĩ; nàng đối với chồng rất là thương yêu, nhưng giữ chồng không cho bước ra khỏi cửa. Vợ chồng chỉ ở nhà tối ngày gáy đàn, đọc sách; lúc nhàn-hạ thì cùng nhau ra vườn hải-đường ngắm cảnh trồng hoa. Nàng cho chồng tự-do đến thế mà thôi, còn muốn bước ra giao-thiệp với đời thì nhứt-thiết không được. Vì sợ ông chồng sẽ có lúc lại đem cái gánh chung-tình mà sẽ đi nơi khác chàng!

Ở được năm năm, chồng không may bị bệnh đau óc rồi từ-trần. Nàng hết lòng thương xót. Nhơn gặp ngày xuân ra chơi vườn hoa, trông cảnh nhớ người, mới thêm nỗi đau lòng, mà khôn cầm giọt lụy.

Nàng trở về phòng riêng, bệnh liền kéo đến; lần lần một ngày, lại một thêm trầm-trọng, thuốc chữa đến thế nào, cũng vẫn không hết. Cái thân hồng-nhan mạng bạc, chỉ còn đành đợi theo ai về dưới suối vàng!

Bấy giờ có người em nàng là Trần-Sanh, vốn có tiếng là tay danh-họa, lại thâm-hiểu khoa-học tâm-lý. Trần-Sanh nhơn nghe tin chị đau, về thăm. Bên giường bệnh, nàng kêu Trần-Sanh lại mà bảo rằng:

— Tiếc thay vườn hải-đường kia, cảnh còn đương xuân mà hóa ra vô chủ! Sau đây chị từ giã nhơn thế, thì em nên vì chị mà coi lấy vườn này, nghe.

Trần-Sanh lui ra, xét biết căn bệnh của chị, nhơn lại nghĩ tới cái đưc-tánh của chị lúc bình sanh, bèn nghĩ cách chữa bệnh cho chị khỏi.

Cách hai bữa sau, Trần-Sanh vẽ năm sáu bức tranh thiệt đẹp, đem lại tàn bên giường cho chị coi, và nói rằng:

Chúc thọ...

(Ông Nguyễn -thành-Vinh vẽ theo ý thơ ông Tú-Xương)



Lẳng-lặng mà nghe nó chúc nhau:

Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.

Phen này ông quyết đi buôn cõi,

Thiên-hạ bao nhiêu đũa giã trâu.

— Anh lúc sanh-thời, sợ chị, không dám đi đâu, song những lúc đêm khuya thường ra vườn hoa cùng với các ả « hoa-thần » đùa dỡn, tự cho vậy là một cảnh sung-sướng trong đời Anh có nhờ tôi vẽ mấy bức tranh, để giấu chị mà chơi riêng; tranh chưa vẽ xong, thì người đã khuất mặt! Nay em vẽ đã rồi, nên đưa chị coi, nếu chẳng may mà chị có xuống suối vàng gặp anh, xin chị cũng nói giùm em một lời để cho anh biết.

Nàng biểu mở những bức tranh ra coi, thấy bức thì vẽ chồng mình đương ôm cổ một người mỹ-nhơn ngồi trên nhánh cây, bức thì vẽ một người đàn bà cùng với chồng mình đứng dưới gốc cây nói chuyện. Lại có bức vẽ 4,5 người con gái tuyệt-sắc, đang ngồi ở trên cây hái bông mà liệng xuống cho chồng mình. Nàng coi kỹ các tranh, một lát, mồ-hôi toát ra, đập tay xuống giường một cái thiệt mạnh, rồi ngồi phất dậy, cất tiếng hét lớn lên nói rằng:

— Á! tệ thiệt! đã có vợ mà còn tư-tình với ma, thôi thế thì chết đi cũng phải, cũng không đáng thương tiếc làm gì.

Nói đoạn, bệnh liền bớt lần. Qua mấy hôm sau, người lại khoẻ mạnh như trước.



Chúc sang....

(Ông Nguyễn-thành-Vinh vẽ theo ý thơ ông Tú-Xương.)



Nó lại mừng nhau cái sự sang,
Đưa thì mua tước, đưa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa chưởi vừa rao cũng đắt hàng.

Lời nói với việc làm

Thánh-hiền đông tây đều dạy rằng : « Người ta nói làm sao, thì phải làm như vậy, mới là người quân-lử. » Theo như lời dạy đó, thì người trong câu chuyện dưới đây là người quân-lử đấy.

Cường sĩ là một nhà văn-chương và lý-tưởng, hay tự đắc rằng mình giỏi về khoa kinh-tế-học. Tiên-sanh đã từng xuất-bản một cuốn sách, tựa là « Sanh-nhai vạn-pháp » (Muôn cách kiếm ăn) Song tiên-sanh kiếm ăn trong nghề nghiên-bút không đủ ; ngèo đói quá đến đôi phải đi ăn mày.

Một bữa, có người thấy chàng ta rách-rưới, mà diện-mạo không ra người nghèo-hèn, thì hỏi :

— Anh có nghề-nghiệp gì không, mà phải đi xin ?

— Thưa, tôi có nghề văn-sĩ, biệt-hiệu của tôi là Cường-sĩ.

— Ủa ! Phải Cường-sĩ là tác-giả cuốn Sanh-nhai Vạn-pháp đó chẳng ?

— Chính thị.

— Lạ thay ! Sao anh dạy người ta nhiều cách sanh-hai, mà tự anh lại chẳng biết sanh-nhai, đến đôi phải đi ăn xin như vậy !

— Dạ. Ăn xin cũng là một phép trong muôn phép sanh-nhai chứ gì !

NGỌC-SI

Quan Huyện khai-bút

Ông Tham mới được bổ đi làm quan Huyện. Ngày xuân, ngồi uống rượu thưởng xuân với bà, gật-gù ngâm thơ xưa. Bà nói :

— Ông thuở nay vẫn ưa làm thơ, sao bây giờ gặp tết, lại không có thơ khai-bút ?

Quan Huyện gật đầu nói :

— Ừ phải ! Cái bút của mình trước đây còn là bút ông Tham, quanh năm vớ-vét chẳng được là mấy. Từ khi ra làm quan Huyện, cũng một ngòi bút, mà kiếm ra được kê hàng mấy mươi muôn « su » rồi ! Vậy nay gặp tết, đem bút ra khai một bài thơ cũng phải !

Vừa nói vừa mở nút chai rượu, rót đầy vào cái ly lớn đại, uống luôn một hơi, tay vuốt hai chòm râu tây, ngâm nghĩ một lát, rồi cầm bút viết luôn bốn câu, đọc cho quan bà nghe :

« Mừng xuân, quan vác bút, quan khai ;

« Ngòi bút năm nay mới thiết tài !

« Mỗi một lời phê vào mảnh giấy,

« Trăm ngàn vớ được dễ như chơi ! »

Bà nói :

— Hay thiệt ! Nhưng chỉ rạn ra được một bài mà thôi sao ?

— Khó gì mà chẳng rạn ra được nữa ! Ông nói xong, lại rót rượu uống, chầm điếu xi-gà « góc » mà hút, rồi viết một bài tiếp theo :

« Tiếng pháo mừng xuân dậy góc trời,

« Huyện-đường thêm náo, cảnh thêm tươi.

« Ăn tiêu đã có thẳng dân chịu,

« Ngày tết, quan mãn thơ tết chơi. »

Bà cầm lấy xem, rồi tám-tác khen rằng :

— Ờ, vậy mới thiết là thơ « quan » chứ ! !

NGÂN-TRỊ

Đưa ông Táo

Một chén trà ngon, đĩa mứt sen,

Đưa ông về đến chín lụng trên.

Ngọc-Hoàng có hỏi thời ông tấu

Rằng : « Dưới nhơn-gian lắm kẻ ghiền :

« Đưa ghiền á-phiện, đưa công xi ,

« Năm tiệm năm đàng chàng sa chi !

« Con vợ ở nhà không gạo nấu,

« Một đàn đôi rách, khóc như di ! »

NGỌC-SI

Hai câu chuyện «lạ» trong ngày tết

1.— Trần-khánh-Tiến lạ Nguyễn-văn-Tường

Hồi cuối trào Tự-dức, Nguyễn-văn-Tường làm tể-tướng, phong tước Kỳ-vĩ-bá, bách-dịch một thời. Bấy giờ Đặng-văn-Kiều, thám-hoa, Nguyễn-Khuyến, tam-nguyên, (tức là tam-nguyên Yên-dô), và Trần-khánh-Tiến, phó-hàng, ba người cùng làm chức Toản-tu ở Sử-quan.

Nhơn ngày nguyên-dán, ba người đến tể-tướng phủ chúc mừng năm mới. Văn-Tường bảo dọn một pha trà thết-dã, trò chuyện rất vui nói cùng ba người rằng: « Ba ông đều là tay học rộng dạn cao, hôm nay quang cố đến phủ tôi, làm vinh diệu cho tôi nhiều lắm. Sáng hôm nay hoa lan trong chậu đây bắt đầu nở ba bông, ấy tuy là điềm lành nhà tôi, song cũng là cái triệu ứng về ba ông vậy. » Nói rồi, liền sai kẻ hầu ra bẻ ba bông lan đem tặng ba người.

Văn-Kiều và Khuyến ngửa tay nhận lấy và cảm ơn. Một mình Khánh-Tiến vòng tay thưa rằng: « Đặng và Nguyễn hai anh tôi, một là nhứt-giáp, một là tam-nguyên mới đủ xứng với điềm bông lan nơi tể-tướng phủ. Chờ như tôi đây, chỉ là một chon p ó-hàng quên, đâu dám được vinh-dự ấy. Song nhờ ơn tể-tướng-công cho đứng ngang hàng với hai quân-tử, và ban lời khen ngợi in nhau, kẻ hạ-quan này dám chẳng lạ tạ để tỏ dấu cảm ơn hay sao? » Dứt lời, Khánh-Tiến bước xuống thêm, sụp lạy bốn lạy; rồi bước lên, hai tay cung-kính mà nhận lấy bông lan.

Văn-Kiều thấy thế, tức mình, nói riêng cùng Khuyến rằng: « Ta đến đây ba người, mà một mình va lạy, đủ lời cái sự làm cao của hai ta ra, đã khó chịu rồi. Nhưng nếu còn ngồi lâu, va còn tiều ngún gì như vậy ra nữa, thì hai ta lại càng khó chịu nữa, chỉ bằng cáo về trước. » Rồi hai

người từ giã lui ra.

Sau đó ít lâu, Khánh-Tiến được sung chức làm bồi-sứ sang Tàu. Bấy giờ trong hàng các quan mà ai được đi sứ Tàu là vinh dự lắm. Khánh-Tiến chưng vòng-lọng tráp-diệu, kẻ hầu người hạ, đến thăm Văn-Kiều, bảo rằng: « Ta ngày nay được sung chức sứ-thần, mai-mốt sắp lên đường đây, cố-nhân có gì tặng ta chẳng? » — Văn-Kiều chăm-rãi mà đáp rằng: « Tiếc nay đương mùa thu, chẳng có bông lan nào cả! » — Khánh-Tiến biết mình bị nói-xoi, nên chuyện sơ năm ba câu rồi cáo biệt. Hai người giận nhau vì chuyện đó.

2.— Trương-quang-Đản lạ Phùng-tử-Tài

Trương-quang-Đản, con trai Trương-dăng-Quế, người Quảng-nghĩa, chỉ đậu tú-tài, chẳng có thấy tài tướng gì xuất-sắc, thế mà làm quan đến nhứt-phẩm. Người ta nói rằng nhờ cha là Trương-dăng-Quế có công phò-tá hai trào, làm đến bậc Cố-mạng lương-thần, nên nhà vua nhờ công ấy mà đủ -bọc cho con.

Hồi cuối trào Tự-dức, Quang-Đản làm Tham-tán quân-vụ Bắc-kỳ. Ngay lúc đó bên Tàu cũng có sai quan Đề-dốc là Phùng-tử-Tài qua, đóng quân tại Sơn tây. Nhơn ngày Tết, Trương đến yết dinh Phùng, lạ mà chúc thọ. Đến chững về, lại có làm một bài thơ tứ-tuyệt đưa cho liêu-thuộc của mình xem. Chẳng những thế, bài thơ ấy lại còn chép trong « Cúc-viên thi-tập » là tập thơ của Trương làm ra vậy. Thơ bằng chữ Hán như vậy:

Úy thiên đại nghĩa cổ kim đồng,
Nhĩ nhứt hà phùng bá hạ phong!
Tự quý phi phụ yêu dục chiết;
Bác song cao ngoạ trướng Đào-công.

Dịch ra nôm đại ý là:

Sợ trời, là cái nghĩa lớn, xưa nay đều phải vậy.
Liếc thì ngày nay ta lạ, nào có lại chi?

Song cũng liếc mình là liếc, lạ muốn gây lưng;
Sực nhớ đến ông Đào Tiềm, ông nằm khểnh nơi
cửa sổ hương bắc, mà không thêm lạ ai liếc.

Văn biết quan Đề-dốc Tàu bấy giờ là to, song mình đương đương làm ông Tham-tán đại-thần nước Nam, đâu có nhỏ hơn ông Đề-dốc đi nữa, cũng chẳng việc gì mà đến nỗi lạ. Huống chi theo lẽ: « giới-trụ chí » là làm ông tướng đi đánh giặc chẳng hề lạ ai. Thế mà lạ được; lạ rồi lại còn làm thơ khoe với liêu-thuộc; làm thơ xong, không đốt cho mất tích đi, lại còn in vào tập đề-dời, thì thiệt là người hèn quá.



Chim họa-mi



Họa-mi khéo vẽ nên mi :
Sắc mi cũng đẹp, hót thì cũng hay !
Ai đem mi đến chốn này ?
Nước trong, gạo trắng, mi rầy ăn chơi.
Lầu son gác tía thanh-thời,
Mi ăn mi ngủ, sướng đời nhà mi.
Khen cho mi cũng gặp thì,
Rừng xanh mi có nhớ gì hay không ?

Ăn rồi lại hót sướng mi không ?
Bay nhảy sao cho thoát khỏi lồng...
Gạo trắng nước trong mi sướng nhỉ,
Vào luôn, ra cũi, khổ mi không ?

X. X. X.

Xuân-cảm

I

Ngảnh lại xuân này đã mấy xuân ?
Xiết bao phiền-não, xiết bao màng.
Trông tin mai đến, mòn con mắt ;
Thấy bóng trăng tà, tủi tấm thân.
Gió trẻ siêng lay cành liễu yếu,
Bụi nơ khó nhuộm đoá hoa thân.
Trắng vàng non nước, màu ai điểm ?
Sẽ viếng Đào-nguyên hỏi Chử-nhân !

II

Rồng bay phụng múa bút thi-nhân,
Thêu bức tranh tình biểu chứa Xuân.
Thoi én dặt-diu tay Tổ-nữ,
Cành mai tươi-tắn áo Đông-quân.
Khéo là đen đỏ phượng ngơ-ngân,
Đề nặng non sông mối nợ nần.
Rót chén hoàng-ba, pha lệ ngọc,
Phượng trời riêng dải bọn nghinh-tân !

Nguyễn-thị Phương-LAN.

Ngày cuối năm, than thân nơi lữ-thứ

(Dịch thơ Đường)

旅館誰相問,
Lữ quán thùy tương vấn ?

寒燈獨可伸.
Hàn-đăng độc khả thân,

一年將盡夜,
Nhứt niên tương tận dạ.

萬里未歸人.
Vạn lý vị qui nhơn.

寥落悲前事,
Lâu-lạc bi tiền-sự,

支離笑此身.
Chi ly tiếu thử thân,

愁顏與衰鬢,
Sầu nhan giử suy cảo,

明日又逢春.
Mình-nhật hựu phùng xuân.

Nơi quán-trọ cùng ai chuyện-văn,
Duy ngọn đèn có thể bạn cùng ta.

Đêm cuối năm, năm đã hầu qua,
Khách muôn dăm, quê nhà chưa trở lại.
Nhớ chuyện trước, càng thêm ái-ngại,
Bước giang-hồ chìm nổi mãi chưa thôi.

Thân-thế chi sao khéo nực cười,
Chấp cùng nổi, rã rời tan-tác !
Thêm ngán nổi tóc thừa đầu bạc,
Vẻ sầu-nhan ngơ-ngác bản-thân.

Mặt nào mai lại chào xuân ?

NGẠO-NGUYỆT





MỘT CẢNH.....CHƠI XUÂN

Chùa Hương-Tích, cảnh chùa đẹp nhất ở Bắc-kỳ

Nam-bang có thú thanh-kỳ,
Yên-hả có chốn, chạ-trì có nơi.
Có non có nước xa khơi.
Có tay tạo-hóa, có người chủ-trương.
Miền ta có cảnh chùa Hương,
Tiếng đồn dậy khắp, bốn phương tìm về.
Ngày xuân vui hội Bồ-Đề,
Kể câu quả phúc, người mê đạo Thuyền.

DƯƠNG-VÂN-GIANG

Bầu trời, cảnh phật;
Thủ Hương sơn ao ước bấy lâu nay,
Kìa non non nước nước mây mây.
Đệ-nhiệt Đông là đây có phải?
Thỏ thẻ rừng mai chim cũng trái,
Lững lơ khe yên cả nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang-hải gục mình trong giấc mộng
Này suối Giải-oan, này chùa Cửa Vọng.
Này hang Phật-Tích, này động Tuyết-Quỳnh,
Nhắc trông lên ai khéo vẽ hình?
Đá ngli sắc long lanh như gấm dệt,
Thăm thẳm một hang lòng bóng nguyệt,
Gập ghình đôi lối uốn thang mây.
Chiêng giang-san còn đợi ai đây?
Hay tạo-hóa sẽ ra tay xếp đặt.
Lần tràng hạt, niệm: Nam-vô-Phật.
Cửa từ-bi công đức xiết là bao,
Càng tròn phong cảnh càng yên.

TẤN-SĨ CHÂC-MẠNH-TRINH

Đọc hai bài đây, chắc hẳn ai chưa từng được mục-kích phong-cảnh chùa Hương, cũng có thể tưởng-tượng được ngay rằng: cảnh chùa Hương-Tích là một cảnh rất đẹp, rất vui ở xứ Bắc-kỳ vậy.

Kể những nơi linh-tích, thắng-cảnh, những chỗ dễ-tự, danh-lam, thì xứ Bắc-kỳ không phải là không có nhiều. Song trong khoảng ngày xuân, muốn được hưởng cái thú chơi chùa, lay phật, lại thêm

được cả cái thú qua suối, trèo non, xem hoa ngắm cảnh, thì duy chỉ có đi chơi chùa Hương-Tích này là hơn cả mà thôi. Bởi vậy, trọng mùa xuân, thành ra một mùa « trảy chùa Hương » (1) rất náo-nhiệt ở ngoài Bắc.

Chùa Hương đã là một cảnh có tiếng, cảnh chùa Hương lại là một cảnh chơi xuân, vậy tưởng cũng nên nói qua, để hiến các bạn, chừn chưa đi tới chùa Hương, cũng được đi chơi chùa Hương bằng tinh-thần trong lúc ngày xuân êm-dềm đầm-ấm vậy.

Chùa tên kêu là Hương-Tích, vì chùa ở trên núi Hương-Tích. Núi Hương-Tích, ở vào địa-phận làng Yên-Mỹ, thuộc phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông; một

(1) Tiếng Bắc nói « trảy chùa » cũng tức như là nói đi vắng cảnh chùa.



Kiến ảnh Extrême-Asie

cliché Ng.-chí-Hòa

Phong-cảnh chùa Ngoài

dãy chạy liền với núi Bồng-hình và núi Tuyết-sơn, đều là những núi có hình-thể thật đẹp. Trên núi Hương-Tích có động, là chỗ của các bậc cao-nhơn thuở xưa vào ở tu luyện, rồi sau lập lên thành chùa. Chùa thờ đức phật bà Quan-Âm, bắt đầu lập ra từ năm nào không rõ. Xét trong địa-dư-chỉ thì năm 1686 đời nhà Lê có hai bà chúa là Đào-thị-Cư và Đào-thị-Niên sai sửa sang chùa lại; đường vào chùa từ đó mới dễ đi, mà cảnh chùa từ đó mới một ngày một mở-mang lần ra. Tới nay, đường lối phong-quang, các chùa các động, phong-cảnh thiên-nhiên, lại có tay người tô-diểm, nên mỗi ngày lại một đẹp thêm.

Trước khi thuật cảnh đẹp, xin hãy kể qua đường lối đi vào chùa.

Từ Hanoi đi vào chùa Hương-Tích có hai lối:

1. *Đi đường Hà-đông.* — Đi xe ô-tô từ 5 giờ sáng, thì bảy giờ rưỡi mới đến bến đò Suối. Xuống đò Suối đi hết một giờ thì vào đến chùa Thiên-trù, (tục kêu là chùa Ngoài), Xe hơi qua tỉnh-lý Hà-đông, qua huyện Thanh-Oai, đến làng Vân-đỉnh (39km. 50), làng Hòa-xá (45km.) rồi sang đò đến Hà-Đoan (55km), gần làng Hội-xá. Đến đây thì đi đò Suối, vào chùa Ngoài. Từ chùa Ngoài đi toàn đường núi độ nửa giờ, thì đến chùa Giải oan; độ gần hai giờ thì đến một cái động kêu là chùa Trong, tức là chùa Hương-Tích đó. Vãng cảnh xong, trở ra về, độ sáu bảy giờ tối đã tới Hanoi.

2. *Đi đường Phủ-Lý.* — Đi xe lửa từ Hanoi tới Phủ-lý. Từ Phủ-lý đi tàu thủy, hay đi đò vào bến Đục-khe. Từ bến Đục-Khe đi độ 500 thước tây thì đến bến đò Suối, là chỗ đi đò vào chùa Ngoài.

Ấy, đường đi vào chùa Hương, đại-khai nên biết qua như vậy.

Phải chi đi vãng cảnh chùa Hương mà thắng một

đường, xe hơi tới tận chũn núi, rồi chỉ có xuống xe bước lên động ngay, thì cái cảnh núi Hương-tích này, lâu ngày cũng hóa ra cảnh tục mà thôi. Nhưng muốn vào thăm chùa, tất phải qua một lần đò Suối, ấy tức là tạo-hóa đã bày ra cái cảnh thiên-nhiên, xa-cách miên, trần-tục đi một quãng, để cho tục-khách vào thăm, được hưởng cái thú nhấm nhía cỏ hoa, vui trông non nước, mà tạm khuấy cái lòng tục-luy trước đi đã. Một nhà danh-sĩ thời trước, vịnh cảnh chùa Hương, có câu rằng:

« *Đào-hóa nhứt thủy cách nhơn-gian* » tức là nói rõ cảnh chùa Hương-tích xa cách cõi đời một giòng nước đó.

Vậy thì những bước đường từ chặng đò Suối trở ra, không có cảnh gì đáng thuật, chỉ nên thuật từ chặng đò Suối trở vào:

Khi xuống đò Suối, cứ theo dòng nước lượn quanh sườn núi mà đi. Mặt nước trong xanh, con thuyền nhẹ-nhẹ, hai bên núi biếc, cây tươi, trông cảnh tựa như một bức tranh tuyệt-diệu.

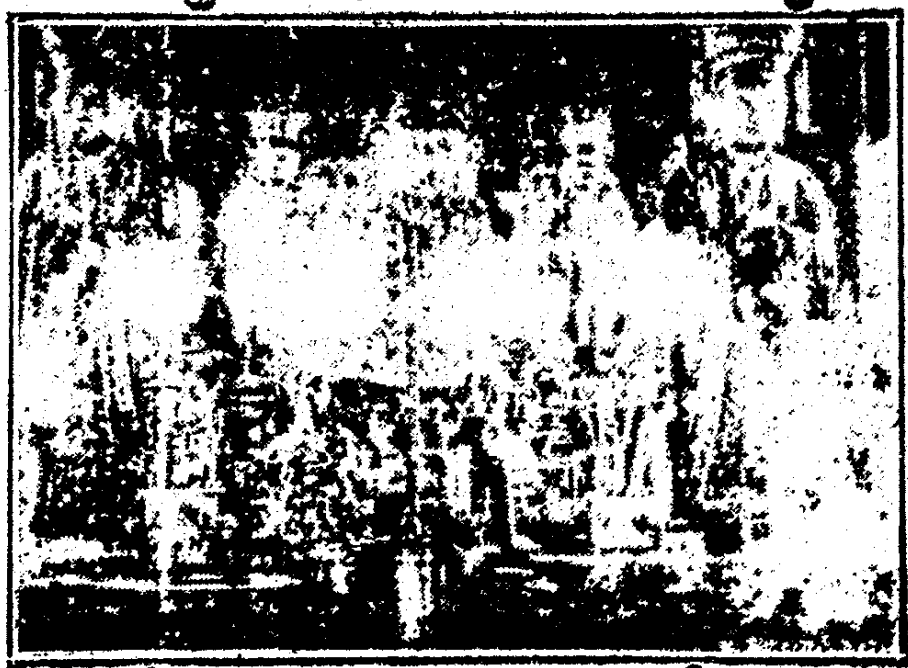
Trước khe hoa dũ mái chèo,

Tiếng chim đón khách bên đèo vui tại!

Cái thú êm-ái thiết có như vậy. Về mùa «trẩy chùa», suốt ngày, đò ra đò vào, đầy trên mặt suối; các đò gặp nhau, chào nhau bằng tiếng « Nam-Vô » vang động cả bên khe núi, khiến cho người mới tới đó, tưởng chừng như là mình đã thoát ra ngoài vòng nhơn-gian, đưa chũn vào nơi phật-quốc.

Tấm lòng trần-tục hẳn như đã nhẹ... Một lát thì thuyền đậu, trông lên trên núi, có cửa Tam-quan cao vót, ấy tức là đã tới chùa Thiên-trù. Lối đi lên chùa Thiên-trù, sửa-sang rộng rãi và bằng-phẳng, đi rất dễ. Qua cửa Tam-quan, vào chùa, trông chùa thiết là tráng-lệ: tòa rộng, dãy dài, cách kiến-trúc có phá kiêu mới một đôi chút. Trong thì: *nguy-nga tam-bảo một tòa*; ngoài thì: *Nam-tào, Bắc-dầu xa xa chầu vào.*

Dạo khắp quanh chùa mà xem, cảnh chùa kể cũng đã đẹp: có từng lớp núi bao-bọc xung-quanh, có lối đi sang chùa mới quanh-co, có cây từng đám che rợp, có hồ bán-nguyệt nước trong. Nhưng chỉ vì chùa này làm ra cốt là để cho những khách thập-phương đi lễ chùa Trong, tới đó có chỗ nghỉ-ngoi, nên có làm từng căn nhà khách, có chỗ bán các đồ cần-dùng. Khách ra vào, qua lại, rộn-rịp suốt ngày, khiến cho cái vẻ thanh-nhã cũng có vì thế mà giảm đi một chút, nhứt là về buổi tối, ở trên chùa, kể dựng hương cầu-tự, người tiến lễ cầu-phước, thiết là huyền-náo, suốt đêm!



Kiến ảnh Extrême-Asie

Cliché Nguyễn-chí-Hòa

Ban thờ trong chùa



Cái cảnh thanh-u của Hương-tích-Sơn, ta vào tới chùa Thiên-trù, thì mười phần mới là biết được một. Vậy phải lần vào chùa Trong.

Từ chùa Thiên-trù đi vào, toàn đi đường núi ca, lối đi quanh-có lên xuống, có nhiều khúc lên cao, người ta phải xếp đá thành từng bậc để leo lên cho dễ. Suốt giọc đường núi, những khách ra vào, lúc nào cũng thấy đông như nước chảy, tiếng « niệm phật » vang động sườn non, tai nghe không dứt. Thiệt là :

Lên cao xuống thấp lần lần,

Niệm câu Bồ-lát, tiếng gần tiếng xa !

Bên lối đường đi có một hòn đá, trên có lỗ thủng, tựa như vết chửi người in, tục truyền chỗ đó là bàn chửi Phật, nên các bà già mộ-đạo đi qua thường lấy giấy in lấy hình bàn chửi đó đem về giữ cho được phước ; ấy là một sự mê-tín của người mình.

Thẳng đường núi đi một đôi, tới một trái núi, trong có động thờ Phật, ấy là chùa Giải-oan. Vào chùa này coi : hang đá cũng rộng, hình-thể cũng đẹp. Trong chùa có suối, nước rất trong, khách thập-phương tới đó, uống nước suối này vừa mát, vừa lành, dường như sạch được tâm lòng trần-lụy.

Ở chùa Giải-oan ra, đi vào chùa Trong, đường núi hơi khó đi hơn trước. Có quãng đi qua « rừng mai », có quãng leo lên chót núi, coi cảnh thanh-thú lạ thường. Đi gần đến núi, tên kêu là núi Trán-Song, trên có miếu thờ Sơn-thần, thì đường lên lại càng cao, càng giốc. Những bậc quan-sang, những nhà quyền-quí, vào chùa Hương-Tích, ngại nhứt quãng đường này, cho nên thường hay đi bằng kiệu « dâng-san ». Kiệu « dâng-san » làm như một cái ghế, ngồi lên đó, có hai người phu kiệu thạo nghề trèo núi, đỡ tay vào khiêng, rồi lần bước mà đi, rất êm rất vững Nhớ hồi năm trước có một « kiếng Tráng Tiên-sanh » ở Hanoi cùng với mấy bác trong quan-trường, đưa bọn ca-kỹ vào thưởng-xuân trong chùa Hương, có bắt phu khiêng kiệu dâng-san, kết thành từng đội, từng cặp mà đi, cười cợt là loi làm như nhóp cả một nơi danh-sơn, thẳng-cảnh Ngay hồi đó có một tờ báo tây đã than phiền, nay nhơn câu chuyện, cũng nhắc lại lần nữa.

Qua núi Trán-Song, càng đi vào lần, thì cảnh coi lại càng đẹp.

Đường trèo thấp thấp, cao cao,

Nam-vô tiếng dậy, ào-ào gió thổi.

Trần-ai rũ sạch tâm lòng,

Lần qua núi Trán, tới trong núi này.

Chùa đầu trông đã thấy đây !

Tới đây là chùa Hương-Tích !

Vào tới gần chùa, trông thấy một ngọn núi cao, trên có cửa động rất rộng, dãy núi hai bên vòng quanh tựa như hồ phục rồng châu. Tới động, qua một lần cửa đá thiên-nhiên, vào tới lớp trong, thì có hai lớp đá mọc ra hai bên, trông như hai dãy hành-lang, tục kêu là Cầu-bạch ; giữa có một khe nước, tục kêu là Ao-sen. Động thật rộng, có thể chứa được tới vài ngàn người ở. Trong động, những đám thạch-nhũ (*stalactites et stalagmites*) trôi lên, rủ xuống, bày ra thiên-hình vạn-trang ; nào là những cây tiền, cây bạc, nào là những giá trống giá chuông, nào những đàn bầu, chuông heo, cùng những buồng tầm, đồng lúa, toàn là những đám thạch-nhũ hiện ra, người ta theo hình mà đặt tên như vậy. Giữa động có một đường hầm đi sâu xuống mãi thăm-thẳm, kêu là đường xuống âm-phủ ; lại có một đường có thể lên đỉnh núi, kêu là đường đi lên trời.

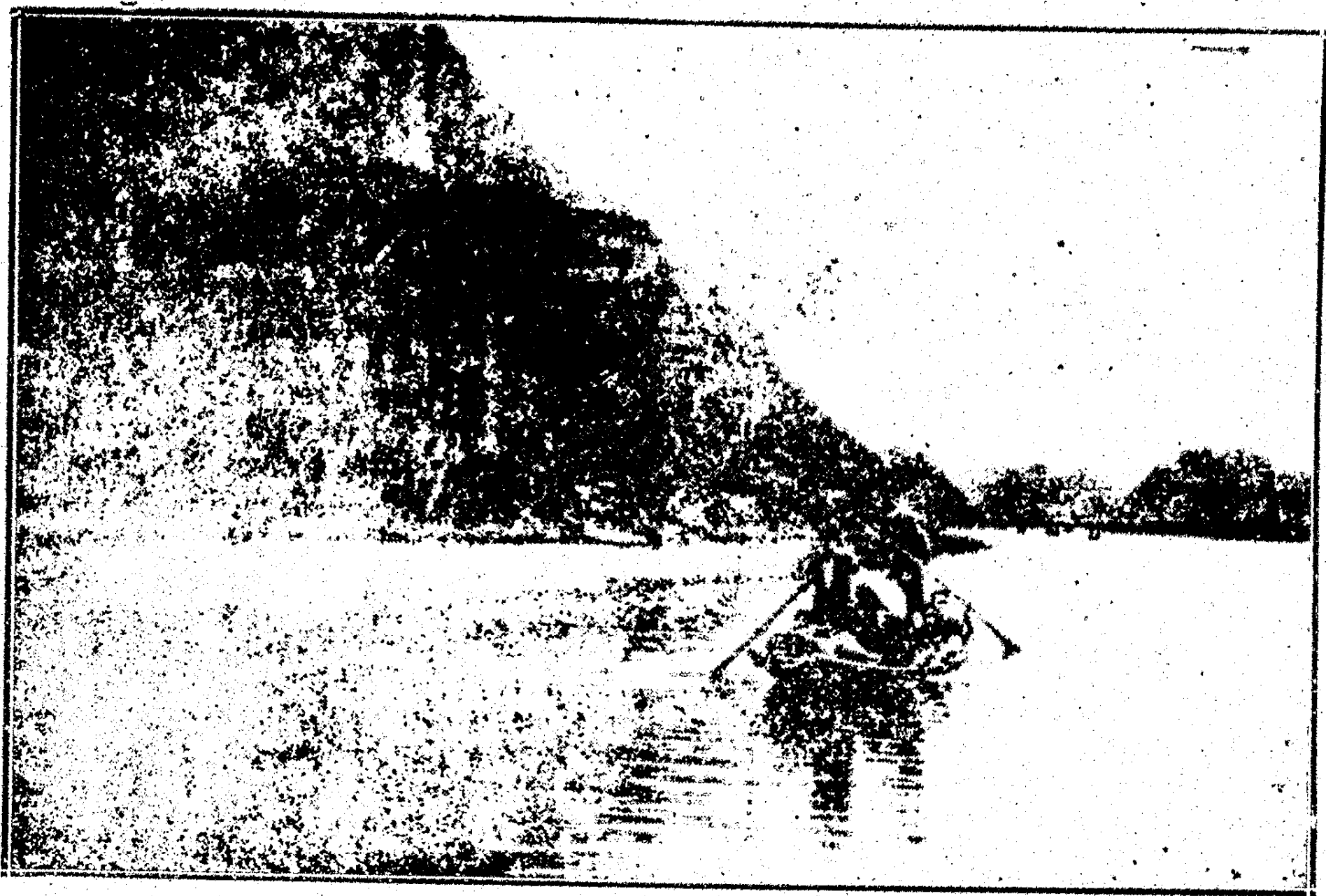
Tượng phật bà Quan-Âm thờ trên cái bệ rất cao, trong động lại có tượng Kim-đồng, Ngọc-nữ, đứng châu hai bên, coi có vẻ rất tôn-nghiêm. Ánh đèn tỏ rạng, khói hương nghi-ngút, trong mấy tháng xuân có lẽ không lúc nào ngời.

Ngoài cửa có năm chữ « Nam-thiên đệ nhất động » (南天第一洞) khắc vào trên đá, là chữ của vua Lê Thánh-Tôn đời trước ngự-đề.

Cảnh động Hương-Tích này mà cho là đệ-nhứt, tưởng không phải vì cái hình-dạng kì-quái của những chòm đá bày ở trong động, mà chính vì lên tới cửa động nhìn quanh sơn thủy, thấy có lắm vẻ thanh-kỳ. Thiệt vậy, dãy núi cứ ngọn thấp ngọn cao, chạy dài một lượt, xa trông mỗi mắt không cùng ! Cái suối chảy quanh sườn núi, thiệt rõ hình như phong-cảnh nước Nhục, non Bồng (cảnh tiên). Cảnh đẹp ở đây, tưởng đến bút thần đi nữa, cũng không tả hết được.

Xưa nay, các nhà mặc-khách, tao-nhân, tới cảnh Hương-Tích, đề thơ rất nhiều, mỗi bài có một vẻ hay, song thơ đâu có hay mà tả ra đến cảnh đẹp thì dường như vẫn còn chưa đủ.

Đứng trước các cửa động trên vịnh Hạ-Long, trông đám cù-lao rải-rác, ngấm lặn nước biển minh-mông, có thể khiến cho người ta mất cái chí-khí đề-hèn mà sanh ra cái tư-tưởng to-lát. Còn đứng ở giữa động trên núi Hương-Tích này thì mỗi cảm-tưởng của con người ta có khi lại khác đi : Cái cảnh thanh-thú êm-dềm này, tựa như có thể an-ủi cho ta những điều phiền-não, khuyên-nhủ cho ta đổi lòng tục-lụy, mà nghĩ tới sự từ-bi. Ngắm cảnh



Kiến-ảnh Extrême-Asie

(Phong-cảnh đồ Suối vào chùa)

Clíchê Ng.-chí-Hòa

to-tát mà biết cảm thú là phần ít, chơi cảnh êm-đềm mà sanh vui thú là phần nhiều. Vậy nên nhiều người chơi cảnh chùa Hương, mến cảnh chùa Hương, có lẽ cũng vì thế chăng ?

Ái tới chùa Hương, đọc câu thơ đề của một bậc thi-ông gần đây :

« Nhất xuân du đảo mai-hoa-quốc,

« Toàn đại thanh-hương mãn tự hoàn.

Nghĩa là : ngày xuân chơi đảo hoa mai ; lúc về còn thoảng những mùi thanh-hương, thì sau khi từ-giã cảnh chùa bước ra, cũng còn mang theo được nhiều cái thanh-thú.

Nay tôi đã nói qua đến cảnh chùa trong, thì sự

chơi chùa Hương đến thế cũng là hơi rõ. Các bạn đi chơi bằng tinh-thần, tưởng cũng không cần phải nhắc đến đường ra. Vậy thì xin trở lại mà coi qua mấy câu tôi sẽ nói thêm ở cuối bài này :

Trong lúc ngày xuân, ta tìm những nơi danh-lam thắng-cảnh mà chơi, nhìn-nhan núi non, hoa cỏ nước nhà, tưởng cũng là một cách chơi có thú. Chơi đến những cảnh thanh-cao, đôi chút lòng tục-lụy, tưởng cũng có thể tạm nhàn được cái lấm thân ràng-buộc trong đám trần-ai !

Vậy thì mùa « trảy chùa Hương » trong mấy tháng Xuân ở ngoài Bắc này, trừ những kẻ đi cầu phước cầu-tự ra, cũng có nhiều người lấy đó làm cái thú chơi Xuân thanh-nhã.

TRỊNH-ĐÌNH-RU





NAM-ÂM THI-THOẠI



Muốn kiếm một mớ thơ xuân cho vào mục thi-thoại của sổ báo đặc-biệt này thì kiếm đâu ra ! May sao có một ông bạn làm quà tôi một tập thơ ông Tú-Xương, trong đó có nhiều bài chưa in ra; nhất là có mấy bài thơ Tết của ông hay lắm, tôi liền bỏ vào thi-thoại. Thơ mà đến ông Tú-Xương thì ai cũng phải phục. Thơ của ông bài nào cũng có ý-vị thâm-trầm mà cách đặt câu rất là tự-nhiên, không có nặn-nột từng lời từng chữ. Có người phẩm-bình rằng thơ ông Tú-Xương hay như thơ Yên-dỗ, mà lại còn tự-nhiên hơn nữa. Sự so sánh thơ của các nhà hay thơ, mà muốn định-đoạt rằng ai hơn ai kém, sự đó thiệt khó quá, bởi vì cái hay mỗi người một lối, mỗi người một vẻ, đem ra mà so-sánh với nhau làm sao được ? Nhưng nói rằng thơ Tú-Xương tự-nhiên hơn thơ Yên-dỗ thì có lẽ; chúng ta muốn so-sánh, cũng chỉ so-sánh được đến mức đó là cùng.

Ông Tú-Xương ở tỉnh Nam-dinh, nhà nghèo, đông con, vợ huờn-ban xi-xoang như vậy mà gặp hồi gần Tết, chặc là khuôn-bach làm, nên ông có một bài, đề là « Gần Tết than việc nhà » rằng :

*Bơ ở một nơi, con một nơi;
Bấm tay tháng nửa hết năm đời!
Vân chừ trong ngoại hạn quan không chấm;
Nhà cửa giao-canh nợ vẫn đòi.
Tin ban hóa ra n. trời thất-thối;
Vi ai lên nỗi chịu lam vôi.
Ba mươi một tuổi đã bao chửa,
Lần suốt trời non trái mấy hồi!*

Trong bài đó có câu 4-5 không rõ việc thiệt của

ông bấy giờ ra sao. Có người nói câu 4 không phải như vậy, mà là : *nhà cửa giao-canh nợ vẫn đòi*. Nghĩa là đến bữa tối ba-mươi rạng mắt mòng-một là hồi giao-thừa mà nợ vẫn còn đòi. Nhưng quả là nói sai. Vì còn một tháng nữa mới đến Tết thì sao đã nói đến việc trong đêm giao-thừa ấy ? Đây có lẽ là hồi đó ông vì sự nợ-nần mà bị kiện-cáo làm sao đó, nhà cửa bị tịch-ký, giao cho người ta canh, mà nợ cũng vẫn phải trả. Sự đó lại cũng bởi tin ban mà ra, hoặc là ông có bảo-lãnh nợ cho ban mà ban không trả được, nên ông bị tịch-biên cũng chưa biết chừng. Và nhà đã bị tịch, không chỗ ở, phải ở đùm ở đầu, cho nên nói rằng « *hóa ra người thất-thối* ». Đọc thơ ông, biết rằng ông hỏng thi nhiều lần, mà một lần ngoại-hạn, quyền không được chấm, tức là chuyện nói trong câu 3 của bài này.

*Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo,
Tiền-bạc trong kho chừa lãnh tiền.
Rượu cúc nhẩn đêm, hàng biếng quẩy,
Trà sen mướt hổi, giá còn kiêu.
Bánfi đường sắp gói e nồm chảy,
Giò lụa toan làm sợ nặng thiêu.
Thôi thôi thì thôi, dành Tết khế,
Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo.*

Tuy vậy, ông Tú Xương đã có lần toan lên bán Trời, Trời bèn mắng ông: « *Cho hay công-nợ là như thế, mà vẫn phong-lưu suốt cả đời!* » Suốt cả đời ông còn được phong-lưu thay, hưởng chi ba ngày Tết. Hãy đọc bài « Năm mới » dưới này của ông :

*Khéo bảo nhau rằng mới với me,
Thấy ai múc rách chẳng ai nghe.
Khăn là bác nợ to lây rế;
Váy lãnh cô kia quét sạch hề.
Công đức tu-hành, sư có lọng;
Su, hào dưng-dĩnh, Mán ngồi xe.
Chẳng phong-lưu cũng ba ngày Tết,
Kiết-ừ như ai vẫn rượu chè.*

Khăn-là tức khăn lượt; to tẩy rế là to bằng cái rế; váy-lãnh là cái quần một ống may bằng lãnh; vì dài phết đất nên nói: quét sạch hề. Sư là thầy tu. Su là đồng su, hào là bạc cắc. Mán là người Mán, cũng một loại với người Mọi, Mường. Câu này nói: Bọn Mán không ngồi xe bao giờ, mà đến ngày Tết cũng ngồi xe, hề có tiền thì ngồi xe được; đây



tỏ ra ý ông mỉa-mai hạng dè-tiền muốn làm ra bộ. Đến câu cuối cùng hết mới nói mình vào, chữ «ai» đó là ông tự chỉ mình. Đọc bài này thì thấy ra cái Tết chẳng có ý-nghĩa chi hết, chẳng qua theo tục mà làm như vậy đó thôi. Mở đầu có ý cười thiên hạ sao có bày cái ngày Tết ra làm chi; rồi nói đến bác họ, cô kia, ông Sư, chữ Mán, toàn là làm những chuyện vô-vị cả. Rồi lại mình cũng vô-vị như họ; mà khéo là lại không nói rõ, trốn mình trong chữ «ai». Cái hay ở đó.

Ông lại có một bài «Xuân-nhứt ngẫu-hưng» nữa cũng một giọng ấy, cũng cho cái Tết là vô-vị, như vậy:

*Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà.
Đi-đet ngoài sân tràng pháo chuột;
Om-thòm trên vách bức tranh gà.
Chít-chia chít-chát khuya giầy giép;
Đen thúi đen thúi cũng lướt là.
Dám hỏi những ai lòng cố quốc,
Rằng: xuân, xuân mãi thế ru mà?*

Bài này tuy cũng một giọng không coi cái Tết ra chi, song lại có ý thâm hơn. Ấy là cái ý giấu trong câu mở và câu kết. Xuân từ trong ấy mới ban ra, là nói nhà vua ở trong Huế ban lịch ra. Câu đó làm chứng rằng bấy giờ sĩ-phu Bắc-kỳ, người như ông Tú-Xương, tuy ở dưới quyền bảo-hộ của nước Pháp, mà vẫn nhớ chánh-sóc của triều-đình Huế. Hồi còn cái tư-tưởng trung-quân, thì người nào đã có lòng ái-quốc, tự-nhiên phải nhớ đến vua. Vì hồi đó, người ta cho vua tức là nước, và ái-quốc với trung-quân chỉ có một việc. Cho nên câu kết mới hỏi đến những người có lòng cố-quốc mà rằng: Cứ xuân này rồi đến xuân khác, mãi như vậy hoài, thì có ích gì cho nước?

Ở Trung, Nam-kỳ, ngày Tết đến thăm nhau, nói chuyện, uống trà uống rượu là đủ; còn như có chúc mừng nữa cũng chỉ nói qua một vài câu sơ-sơ mà thôi. Bắc-kỳ thì sự chúc Tết phiền-phức lắm, họ nói luôn cả pho như thầy đọc sớ. Nào là «phát tài, thang quan», một giấy chi đó rồi rớt hết là «cuối năm để câu con trai». Nhứt là các bà cụ già, nói luôn một hơi không vấp mà nghe vui tai lắm. Ông Tú-Xương không ưa cái thói chúc nhau ấy nên có làm bốn bài «Năm mới chúc nhau» để chế nhạo chơi. Bài thứ nhứt là chúc sống lâu, hay là chúc thọ, bốn câu mà thôi, các bài khác cũng thế.

*Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau:
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.*

*Phien này ông quyết đi buôn cối, (1)
Thiên-hạ bao nhiêu đĩa giã trâu!*

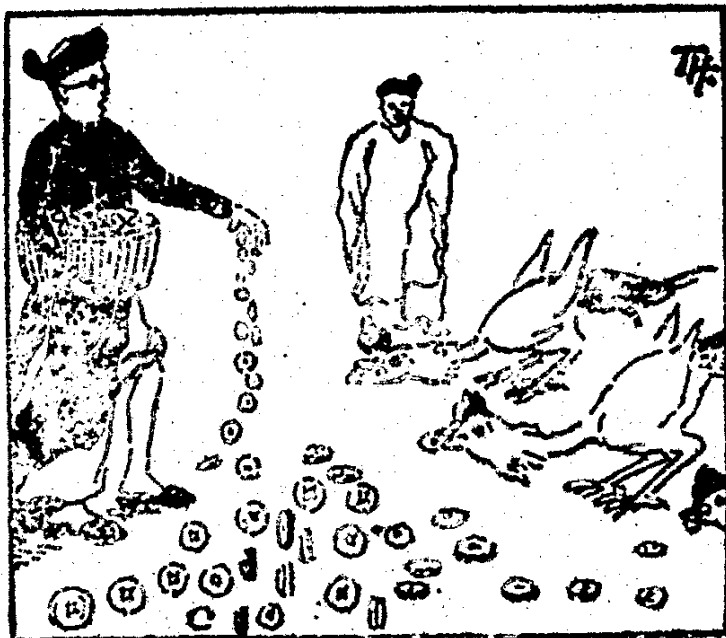
Bài thứ nhì là chúc sang:

*Nó lại mừa, nhứt cái sự sang,
Người thì bán tước, kẻ mua quan.
Phien này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa chửi vừa rao cũng đắt hàng!*

Theo nguyên-văn của ông đặt ra thì bài này câu kết là như thế. Nhưng sau người ta in ra, sợ mich lòng thiên-hạ mich lòng mấy ông quan — nên mới sửa cho nhẹ bớt đi mà nói rằng: «Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.» Nhưng chính cái người nói ra đó, người ta không sợ mich lòng; thử mình đây thuật lại, mà sợ gì? Huống chi để ý nguyên-văn thì nghe câu nó mạnh là đường nào, mà sửa lại thì yếu-ớt quá. Năm 1907, cách ngày ông Tú-Xương mất không xa, tôi có ở Nam-định ba tháng, chính tại tôi nghe được cả bốn bài này, nên tôi theo nguyên-văn mà cải-chánh lại.

Bài thứ ba là chúc giàu:

*Nó lại mừng nhiau cái sự giàu,
Trăm, ngàn, vạn, ức, để vào đâu?
Năm nay có lẽ gà ăn bạc,
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu.*



Bài thứ tư là chúc đông con:

*Nó lại mừng nhiau sự lắm con.
Sanh năm để bảy được vuông tròn.
Phổ-phương chắt-nếp người đông đúc,
Bồng-bể nhiau lên nó ở non!*

Lại một hôm ngày Tết, ông Tú-Xương đi hát cô đầu, cô đầu đòi ông tặng một bài thơ; ông ứng khẩu đọc rằng:

*Mừng xuân mừng lắm khách,
Quanh năm rộn dân-phố.
Chuyện nở như gạo vàng;
Chuyện dai như rơm chấu rách.*

(1) Cối là ông ngoại trâu của các ông già, bà già đã rụng răng.

Đo cả bốn chân giường;
Xều cả hai bức vách.

Ông đọc đến câu đó, có đầu đổ mặt tía tai, xin
thôi đừng đọc nữa, nên bài đó chỉ có sáu câu như
vậy: chưa thành bài, ấy là theo lời người ta nói.

Ở thành-phố Nam-dịnh, có cô kia, vợ lẽ của một
ông Phan, chết nhằm ngày mùng 2 Tết. Ông Tú
làm cho một bài từ-tuyệt rằng:

Giã từ đi lay làm hai họ,
Năm mới mưa sang được một ngày.
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ;
Ông chồng thương đến cái xe tay.

Làm hai họ, nghĩa là làm vợ hai của họ, như
nói: làm lẽ người ta. Câu kết có thiết-sự làm sao
đó, không hiểu. Thơ từ-tuyệt có phép, bốn câu đối
nhau hết, tức như bài này. Câu 1-2, mới nghe như
không đối, và nghĩa nó cũng không đối, thế mà
là đối, ấy mới tài!

Người ta có truyền bài thơ « Mứt rân » của ông,
cũng làm trong dịp Tết, nhưng không biết sự tích
thế nào, bởi sao mà làm ra bài ấy. Nếu không
biết sự-tích thì không hiểu nghĩa, mà không hiểu
nghĩa thì còn biết đâu đến cái hay? Song cũng
chep ra đây, để ai biết thì bảo cho. Chắc cũng bởi
một việc tâm-thường gì đây, nếu như ai thì chẳng
có công nào mà thơ vời thần; duy có đại-tài như
ông Tú Xương, hờ ra đâu là thơ đó, mới có bài
này:

Sam-sư nam nay khéo thực là,
Môt môm mứt rân mới bày ra.
Xanh đồng thẳng lại đen rung rức;
Ao vãi bỏ ra heo thực thà.
Keo chầu Trầu-chầu đầu đo được;
Bánli bà Hanli tự cũng thua xa.
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt,
Lại trứi thêm vào chứt nước hoa.

CHƯƠNG-DÀN

MẤY LỜI THÂM TẠ

Số báo mùa xuân này xuất-bản, là nhờ
công-phu và tài-liệu chung của nhiều
người, cho nên bản-báo có mấy lời trân
trọng:

Cảm ơn chung các anh các chị ở xa
gần đã gửi thi văn vẽ rất nhiều, đến đời
tập báo đã tăng lên tới 40 trương, mà
đăng không hết; phải để dành, đăng sau
lục-đăng lần lần vào các số thường.

Cảm ơn riêng ông Nguyễn-văn-Mai,
quản lý hiệu Nguyễn - chí - Hòa, đã làm
những clichés, rất tinh-xảo và các nhà
danh-họa đã gửi tặng những bức vẽ in
ở trong tập báo này.

Giấy mực thưởng xuân, diễm-tô công
bạn, mấy lời thâm tạ, tỏ tấc thành tâm.
P. N. T. V.

Bản-báo đang dự-bị bài vở, đang xuất bản
một số báo đặc-biệt, làm kỷ-niệm ngày lễ

Hai bà Trưng

Nhằm ngày mùng năm tháng 2 năm (4
Mars).

Trong đồng bào nam nữ, ai có văn-thơ, sự-
tích hoặc, làm ra, hoặc học được văn xưa, nói về
hai bà, thì xin vui lòng gửi đến cho bản báo
trước ngày 20 Février cho kịp sửa soạn xuất-
bản. — Việc cũng việc như anh em chị em
trong nước chó bỏ qua!



NĂM CHÁNH-TRỊ...

Năm 1929 ở nước mình, là một năm ngồi khám !

Từ ngày 6 Juin năm 1881 tới giờ, không có năm nào mà nước mình nhiên chuyện biến-dộng cho bằng năm ngoài. Những chuyện biến-dộng đó, nếu đứng về phía chánh-phủ, thì là rồi cuộc trị-an, là âm-mưu cộng-sản ; nếu đứng về phía nhơn-dân, thì lại là việc cách-mạng, là việc chánh-trị hoạt-dộng. Cái danh-hiệu khác nhau như thế, là tùy ở mình đứng bên này mặt trận hay là bên kia.

Nếu ta có thể ví dụ những việc chánh-trị biến-dộng năm mới rồi, như là một lần bi-kịch (nói ví dụ như thế, là theo cái nghĩa rất tôn-trọng, rất cảm-khích vậy) thì tấn kịch chánh-trị năm 1929 ở nước ta như vậy :

Trường diễn. - Khắp cả nước Việt-nam, trên từ Laokay, dưới đến Camau, trong giáp với Lào, ngoài tới bờ biển ; sân-khấu rộng ghê !

Kịch bản. - Việt-nam Quốc-dân đảng, Việt-nam Cộng-sản-đảng, Việt-nam Thanh-niên Đồng-chí-hội, Hội-kín Nguyễn An-Ninh v...v...

Những người chủ-diễn. - Nguyễn-thái-Học, Léon Sanh, Dương Hạc-Đình, Nguyễn-văn-Viên, Nguyễn An-Ninh v... v...

Những việc đại-náo. - Giết ông Bazin ở Hanoi ; giết cô Uyên ở Hai-phong ; giết tên lính kín Nguyễn-văn-Kính ở sở thú Hanoi ; mất súng ở Ô-ma, Saigon ; Hội-kín Nguyễn An-Ninh ; rải truyền đơn, vẽ hùa liêm, treo cờ đỏ, trong ngày kỷ-niệm cách-mạng thành-công của nước Nga ; đào được cả thấy trên 300 trái bom ở Hà-dông và ở Bắc-ninh v... v...

Văn tưởng. - Vụ «Hội-kín Nguyễn An-Ninh», tòa xử ông Ninh 3 năm tù, và 21 người nữa, cũng can vào việc này, kể bị tù người bị phạt. Vụ «Việt-nam Quốc-dân đảng» do Hội-đồng Đề-hình xử ngày 4 Juillet 1929, hết thấy có 73 người bị án, từ 5 năm cấm-cố cho tới 20 năm khổ-sai ; những người bị án do đều giải ra Côn-nôn chịu tội. Vụ «Việt-nam Thanh-niên Cách-mạng Đồng-chí» do các quan ta ở Vinh xử ngày 11 Octobre 1929, có hai người bị xử tử, ba người khổ-sai chung-thân, còn thì 10 năm, 5 năm, hết thấy là 35 người bị án ; hai người bị án chém, sau giảm xuống khổ-sai chung-thân, và đều đem đi Lao-bảo cả rồi. Lên Lao-bảo, những người ấy còn nổi loạn, mà có một người là Nguyễn-sĩ Sách, bị lính bắn chết. Ấy là chuyện trong tháng

Décembre mới rồi. Dân bà thì có Hồng, có Như-Mận, có Trâm, cũng bị ngồi tù ; người 9 năm là nhiều, người 1 năm là ít. Lại còn một bà ở ngoài Bắc, bị tới 15 năm tù, vì tội đã giúp tiền cho bọn làm cách-mạng.

Đó là những việc biến-dộng mà luật-pháp đã xử rồi, còn nhiều việc sẽ xử nay mai, và bao nhiêu người còn chờ trong khám nữa. Tức như Léon Sanh bị nghi vào việc giết ông Bazin, đã nằm chờ rông-rã một năm trong khám lớn Hanoi, và ông Tú Nguyễn-đình-Kiên bị nghi vào việc cộng-sản, còn đang hấp-hối trong khám lớn Saigon ; lại còn những việc mất súng ở Ô-ma kia, việc đào được mấy trăm trái bom nọ, đều là những việc sẽ phân-giải ở hạ-hội, và vào mục « Nam chánh-trị » của báo này cuối năm 1930 vậy.

Đối với những việc đã xảy ra đó, và còn đang dây dưa đây, thì ta thấy dư-luận của người Pháp ở đây và ở bên Tây khác nhau. Bên này họ nói : « Xin nhà nước cứ việc làm thẳng tay, cho chúng dứt đuôi nòng-nọc ! » Bên Pháp, thì dư-luận ở những tờ báo lớn như *Leuore*, *Quotidien*, đều nói : « Xin quan Toàn-quyền Pasquier làm nhẹ tay một chút, đừng lấy lòng dân Annam. Chớ có quá tay, không chừng đào gốc những chuyện phản-đối nhỏ mà thành ra trồng cây cách-mạng lớn ! » Hồi tháng Décembre mới rồi, Nghị-viện nước Pháp bàn việc ân-xá cho Léon Daudet, mà ông nghị-viện Moutet cũng xin chánh-phủ ân-xá luôn cho những dân ở bên thuộc-địa bị án quốc-sự nữa.

Bước sang năm mới 1930, dân Việt-nam cũng ao-ước như thế.

Một việc cần ích quí bà chớ nên quên

Quý bà qui có con có cháu, hề nó có chức bất an thì muốn sao cho nó được lành mạnh liền. Sự ấy thiệt không khó, cứ đề dành cho có *Dầu Tỉ-Bi* sẵn luôn luôn trong nhà là được.

Các chứng bịnh của trẻ nhỏ hề thấy mặt *Dầu Tỉ-Bi* thì là phải sợ mất vía.

Nhứt là phong, ghê, và các chứng bịnh ngoài da, hề thoa vó thì lành. Còn những trẻ nhỏ mà hay eo-uột không thấy lớn, ăn không tiêu, sông hén không tốt, lớn bụng, hề cho nó uống chừng vài ve thì đã thấy hết bịnh và nõ da tốt thịt.

Nhờ sức hiệu nghiệm như vậy cho nên *Dầu Tỉ-Bi* đã nổi danh hơn 15 năm nay.



MỤC CỬ VĂN XU'A

Chơi đài Khán-xuân trong chùa Trấn-Vô

Em-ai chiều xuân tới khán-dài,
Làng làng chẳng bợn chút trần-ai.
Ba hồi triều-mộ, (1) chuông gầm sóng,
Một vũng tang-thương nước lộn trời.
Biển ái ngàn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực-lạc là đâu tả?
Cực-lạc là đây chín rõ mười.

BÀ-HUYỀN THANH-QUAN

Nghèo năm co

Ba gian lầu có dải che song,
Rét phải nằm co há phải cuồng?
Cả cả nép vạy miền Bắc-Hải,
Rồng thiêng uốn khúc chốn Nam-Dương.
Một lòng trung hiếu lo còn giữ,
Hai chữ công-danh uốn chửa vương.
Có khuất bao nhiêu thời có đuổi,
Ra xuân đầm ấm sẽ xênh sang.

Nói khoác

Ta con ông Trang, cháu ông Nghè,
Nói khoác trên trời dưới đất nghe.
Sợ sức, Hạng-Vương lấy nửa dăm,
Đánh cờ, Đế-Thích chấp hai xe.
Vượt ngay ra biển lội tàu lai,
Tốc thẳng lên non bắt cọp về.
Mai một đem quân vào phủ Chúa,
Ra tay diệt Mạc để phủ Lê.

NGUYỄN-VAN-GIAI, triều Lê. (2)

Tết Nguyên-đán xuống tình

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo,
Tiền bạc trong kho chứa lãnh tiền.
Rượu cúc nhân đêm, hàng biếng quẩy,
Trà sen mơn hời, già còn kiêu.

(1) Triều-mộ: sớm tối.

(2) Ông Nguyễn-van-Giai là một nhà danh-sĩ ở đời nhà Lê, giữ họ Mạc cướp ngôi vua Lê. Bọn sĩ phu lúc bấy giờ, nhiều người anh-hùng khản-khải, muốn giết họ Mạc để khôi phục cơ nghiệp cho nhà Lê. Ông Nguyễn-van-Giai tức là một người có chí đó, coi bài thơ ở trên thì đủ thấy tâm-trí của người xưa.

Bánh đường sắp gói, e nộm chầy,
Giò lụa toàn làm, sợ nặng thiu.
Thôi thế thì thôi đành tết khác;
Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.

TÚ-XƯƠNG

Pháo

Giấy xanh giấy trắng ở tay người,
Bao nả công-trình, tạch! cái thôi.
Kêu lắm lại càng xờ xác lắm,
Cũng mang một tiếng ở trên đời.

YÊN-ĐỒ

Than cùng

Người bảo ông cùng mãi,
Ông cũng thế nầy thôi.
Vợ lăm-le ở vú,
Con tấp-tênh đi bồi.
Ai trói voi bỏ giò,
Đời nào heo cao ngói.
Khách hỏi nhà ông đến,
Nhà ông đã bán rồi!

Ngẫu hứng

1. Hân tự chẳng biết Hân,
Tây-tự chẳng biết Tây.
Quốc-ngữ cũng mù-mịt,
Thôi đi về đi cày.
2. Trồng ngô và trồng đậu,
Cấy chiêm lại cấy mùa.
Ăn không hết thì bán,
Bán đã có Tây mua.
3. Được tiền thì mua rượu,
Rượu say rồi cười trầu;
Cười trầu thế mà vững,
Có té cũng không đau.
4. Ăn lương hà n chánh-thất (1).
Thôi thôi thế cũng xong.
Vi-bằng nhà-nước dung,
Phải bỏ tòa Canh-nông;

TÚ-XƯƠNG

(1) Chánh thật là vợ lớn. Đây nói ý là nhờ vợ nuôi.



Nghị viên

Nghị-Viên há phải việc con con,
Nước có quyền dân, nước mới còn.
Rầy được mở mồm nên nhưc óc,
Dầu ai bóp bẹp cũng vo tròn.
Thay năm triệu rưởi người ăn nói;
Mở bốn ngàn năm mặt nước non.
Hai chữ duy-tân ghi tạc lấy,
Đừng tranh xoi thit lũ quan hồn. (1)

NGUYỄN-THIỆN-KẾ.

Cảnh xuân

Xuân sang hoa cỏ thêm tươi,
Khoe mẫu quốc-sắc, nức mùi thiên-hương.
Tiết xuân tới hơi dương đầm ấm,
Khi phát sanh rầy thắm trên nhành,
Thử tập bay, bướm mới uốn mình,
Muốn học nói, oanh còn lạ tiếng.
Liều hoàn cứu lục oanh do lĩnh,
Đào thi tán hồng, điệp vị tri (2)
Hỏi đông-phong đào liễu xanh rì,
Được tàn-tuyết đầu non trắng xóa,
Buổi hòa-lạc khi trời êm ả;
Hội đập-thanh xa mã đập diu,
Ngân vàng một khắc xuân-tiên!

Nợ phong lưu

Suy mới biết ở đời ai hớ,
Vị tài tình nên vương nợ phong lưu.
Kho trời chung tiêu phí thắm vào dân,
Chơi là lãi, dầu chưa giàu nhưng chẳng kiệt.
Trả trả, vay vay, lâu cũng hết,
Co co, côm côm, chắc hơn ai.
Chỉ chịu thua tay chủ thợ trời,
Khéo tỉ-mỉ nặn ra người làm mùa rồi.
Nào nhục, nào vinh, nào hiền hội,
Mặt ra hề thay đổi mấy mươi phen.
Chẳng gì hơn rượu thánh với thợ tiên,
Trời đất chẳng dám ghen chi với hần.
Thế sự phù-vân hà túc vấn,
Thiên kim tán tận hoàn phục lại.
Hay chơi, trời cũng chiều người?

NGUYỄN-CÔNG-TRÚC

Tết gián câu đối

Nhập thế-cuộc bất khả vô văn tự,
Chẳng hay ho cũng phải nghĩ một bài.

(1) Quan hồn là mấy ông làng ở thôn-quê ngoài Bắc, hay giành ăn xoi thit.

(2) Liều vẫn còn màu xanh cỏ, nên chim oanh còn nín, chưa hót.

Đào mới phơi màu tươi, nhưng bướm chưa hay, chưa bay lại.

Huống chi mình đã đầu tù-tai,
Ngày tết đến, cũng phải một hai câu đối.

Đối rằng:

Cục nhơn-gián chi phẩm-giá, phong-r-guyệt tinh hoa,
Tối thể-thượng chi phong lữ, giang-hồ khi-cốt.

Viết vào giấy, dán ngay lên cột,
Hỏi mẹ mầy rằng: « dốt hay hay? »

Rằng: « Hay thì thật là hay,
Chẳng hay sao lại đầu ngay tù-tai? »

Xưa nay em vẫn chịu ngai! »

Từ-XUONG

Bài phú khuyên quốc-dân

cải-cách duy-tân

(Dùng toàn phương-ngôn lục-ngữ)

Anh em ơi! Anh em ơi!

Xoay vần cuộc thế; khép mở cơ trời.

Nghĩ cho hết lẽ; khôn mới an người.

Sống cạnh-tranh lai-lãng khắp hoàn-cầu, người
muốn nọ, kẻ muốn kia, không ai giống nhau: sống
một nét, chết một lát. Đường giao-thiếp mở mang
trên đại-lục, khôn cũng nhiều, dại cũng lắm, trông
đó thì biết: người ba đẳng, của ba loài.

Giống nòi chia sắc vàng, sắc trắng, sắc đỏ, sắc
đen, con vua vua dầu, con chúa chúa yếu, ai nấy
cũng là riêng bụng nghĩ. Công việc đủ nghề học,
nghề cày, nghề buôn, nghề thợ, của anh anh mang,
của nàng nàng xách, ngồi không há chịu dễ tay
quai.

Mặt ít ruồi nhiều, nghĩ người la đang ra sức đua
tranh, khéo đầu đất bỏ hoang, của sân mang dăng,
cây đồ còn toan đào đứt gốc. — Quít làm cam
chịu, tại kẻ trước hóa bầy giờ vất vả, may thay
trời mở lối, con mẹ chột tỉnh, rượu ngon nay đã
nếm qua mùi.

Bụng nghĩ hay, việc làm mới hay; mạnh tinh-
thần, đừng giữ mãi thói sĩ, lữ-khởi như ông từ vào
đền, trông chiều dễ ngán. Khi trước khác bầy
giờ lại khác, đời ăn mặc đừng theo chi lối hủ,
lướt-thướt như lễ-sanh mất vợ, ngó bộ buồn cười.

Chẳng thấy sao mầy làm nên, kia cao-đẳng, kia
sơ-giáo, sự học hành một bụng khuyên răn, sao
cho sáng suốt. Có tiền mua tiền cũng được, nào
trung-châu, nào biên-tĩnh, việc bán buôn trăm
đường mở rộng, chờ ngai xa xui.

Thợ may ăn dễ, thợ mã ăn hồ, sao bằng người
giữ bụng tin ngay, lợi lớn là hơn, của hơm sá chi
đồ tạp-nhẹp. Đi giặc sấm bầu, đi câu sấm gió,
huống chi sự học nghề chế-tạo, đồ làm phải đủ, tay
không chưa để tỏ mười mười.

Nói chuyện sanh-nhai, bực làm trên trước phải
dè dặt, chồng an chả, vợ an nem, kẻ dưới tới chi



không phi-phá. Xem trong đoan-thẻ, buổi mới cốt phải cho chung bụng, ông nói gà, bà nói vịt, việc chi thì để bỏ lại-nhà.

Có khôn, thì vẽ cho nhau, chớ nghĩ rằng ta giỏi, mà rước ma cũ, nạt ma mới. Muốn hay, phải giữ cho tròn, đừng chơi những kẻ hư, mà chữa heo lành, hóa heo toi.

An trái nhớ kẻ trồng cây, mấy ngàn nam đức Thuần ơn Nghiêu, mang nặng trên vai, báo đáp sao cho đến được nguyên? Có bột mới gột nên hồ, ba vạn quyền rìng Âu biến Á, in sâu trong náo, van-minh rồi mới dựng ra tài.

Đạo tri-giao cốt phải chọn người, gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Đường cư-xử sao cho biết lỗi, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Gái có chồng như rồng có vảy, trăm nam vẹn đạo xương-lủy, án ngọc ngang mày, lẽ phải giữ thường ai chẳng nề. Con có cha như nhà có nóc, một mực trăm bề hiếu dưỡng, vẽ ban quanh gối, lòng trên trông xuống cũng thêm vui.

Chớ thấy sóng cả, mà rẽ tay chèo, dăm khuyến ai biết nghĩ biết lo, đứng lại vững chừn thì hẳn được. Đường đi đường quang, bước quãng đường râm, kia những kẻ vẽ khôn vẽ khéo, làm ra lỗ bước sợ không rồi.

Đôi cho sạch, rách cho thơm, há như ai dục nước béo cò, chẳng nghĩ con cái mình, nặng tay riu bua. Ăn có nhai, nói có nghĩ, chớ toan sự mù trời bát kết, gặp khi thời-vận thế, lên mặt cân-dai.

Bước công danh vui lắm cũng lo nhiều, trong lưng đã chắc hơn ai, đơm đo ngọn tre, đừng háo-hức chi nghề kiếm cá. Đường danh-lợi vinh kia mà nhục đó, có miếng thì mang lấy tiếng, mùa tay trong bị, khéo mê-man chi sự ăn xôi.

Thăm đến ai vách lá tìm sâu, được lòng đất mất lòng dò, nghĩ sao cho phải. Hay chỉ việc rân sành ra mỡ, buộc cổ mèo treo cổ chó, đến thế thì thôi.

Xanh vỏ đồ lông, chẳng nghĩ chi áo chúa cơm vua, ở chùa đốt chùa, kẻ nghĩa-lý chỉ đồ lão-lão. Chôn nhau cắt rún, ai chẳng có quê cha đất tổ, ngồi thùng cất thùng, có thủy-chung mới là kẻ hân-hoi.

Một cây làm chẳng nên rừng, phải đùm nhau cho nên việc tốt tươi, ăn cây nào rào cây này. Hai thùng cũng vào một dấu, hề biết tình, sợ chỉ con tưng thiếu, ăn bữa hôm lo bữa mai.

Lối dụng-tai đã hồ hết hư-khoa, thôi những anh hay thi, hay phú, hay kinh-nghĩa, hay sách-van, dứt dưới nông-noc. Đường tân-hoa cốt tìm ra

thiệt-hiệu, kia những kẻ : nào mào, nào giấy, nào ba-toong, nào dù-máy, tốt mà dễ-cúi.

Rào đồ bìm leo, cũng tại mình còn trách chi ai, mơ màng hạc ngủ sóng say, gương hủ-tục kia đã treo áp mặt. Tre già mang mọc, lần hơn trước còn mong ở lại, ham-hở tìm khôn học khéo, chuông tự-do ray đã đánh vang tai.

Nghĩ cho xa, sự-thế cũng buồn cười : có khác chi đầu, tở vô nuôi con nhện. Đừng chừa vừng, sức mình còn phải nhón, chớ vội rằng được châu chấu đã ông voi.

Bao giờ to lớn hãy hay, mèo nhỏ bắt chuột-con, sức ấy xem ra đừng có gương. Mấy kẻ ngọt ngon chưa vững, liền thiệt mưa cửa gió, sự kia xét kỹ kéo mà sai.

Giàu làm kệp, hẹp làm đơn, cơ cực đường nào, liệu thế dẫn-do là kẻ phải. Nhặt che mưa, thừa che gió, phong trần hội ấy, ra tay xoay-sửa đáng tai trái.

Chớ như ai hà miệng chơ ho, có cây, có trồng, có trồng, có ăn, ra sức sữa sang, nên hưng-vượng có khi xây vừng móng. Suy mới biết dứt tay hay thuốc, học ăn, học nói, học gói, học mở, lanh chừn lẹ bước, biển trăm-luân cũng vượt qua vơi.

Thấy ai mà ngay thật mới nên tin, đi ra hỏi già, về nhà hỏi trẻ. Nghĩ mình có u-mẹ chi chẳng biết, miếng ngon nhờ lâu, lời đau nhờ đời.

Việc hồi-thiên há một lát xong ngay, bụng nghĩ cho sâu, đừng lão nháo như cháo với cơm, sợ khi nát bét. Lòng ái-quốc dầu trăm năm ghi đó, tay cầm cho vững, kéo lanh-tranh như hành không muối, chưa dễ ăn ai.

Xin đừng đương mắt trông nhau, làm sãi không ai đóng cửa chùa, phong-hội ấy, nước non này, cũng lo toan cho hết sức. Thôi đừng già ham nói khoác, mười voi không được một bát xáo, chi-khi to, công việc lớn, sao cho chắc chắn được như lời.

Cuộc Viêm-bang tuy dầu biển lắm phen, đông có mây, tây có sao, muôn sức phù-trì, gặp lúc mở-mang ra cũng dễ. Giống Hồng-Lạc cùng anh em một họ, sống ở làng, sang ở nước, mấy câu gần bó, khuyến ai thông-thả nghĩ mà coi.

Hoàng-giáp Nguyễn-Thư-ông-Hiền





Mảnh trăng thu là gì?



— **Mảnh trăng thu** là tên một bộ tiểu-thuyết mà hồn-báo sắp đăng. Sự-tích rất ly-kỳ, tình-cảnh rất có le, ý-nghĩa trong truyện rất là hấp-thời, có thể cho là một pho tiểu-thuyết rất có giá trị. . .

Từ ngày hồn-báo ra đời, vẫn hằng lưu tâm kén chọn, tới nay mới có được bộ tiểu-thuyết đặc-biệt là tiểu-thuyết **Mảnh trăng thu** này, sẽ đăng nay mai.

Báo nghỉ một số

Nhơn ngày tết ta, nhà in và thợ đều nghỉ làm việc, vậy hồn-báo phải nghỉ một số thứ năm, tuần tới đây.

Số 39 tới ngày thứ năm 13 Février sẽ xuất-bán.



Trung-Trắc

(Điền ca Việt có loại lung)

Trung-Trắc khởi binh

Từ thiệp nghe tin chằng hi giết,
Dưới lười cườm đo của lũ quân Tán.
Thu kia thiệp nguyên chằng chằng đôi trời,
Thề cùng, vật đối với sao đôi.
Ta tuy thân nhược chắt liêu-bỏ,
Mang cung kiếm, quyết rửa hơn cho lại gan.
Danh ồm sâu lấp thắm,
Ra chôn sa trắng, da ngựa bọc xương.
Vi nước non nên ta đi rửa nhục,
Ở hai mươi lăm triệu đồng bao thừ tỉnh dậy
chàng ?

Kia cái lũ tham-tàn nó dọc ngang hải hung,
Ta nghĩ ta giân thẳng Tô-Dịnh vô cùng,
Hồn chàng linh xin ứng hộ theo,
Nghĩa vợ chồng sống thác có nhau.
Trung-Nhị em ơi ! em tỉnh lẽ nào ?
Chờ chị đây, vòng tên đạn phàn mà đào chị
kê chi.

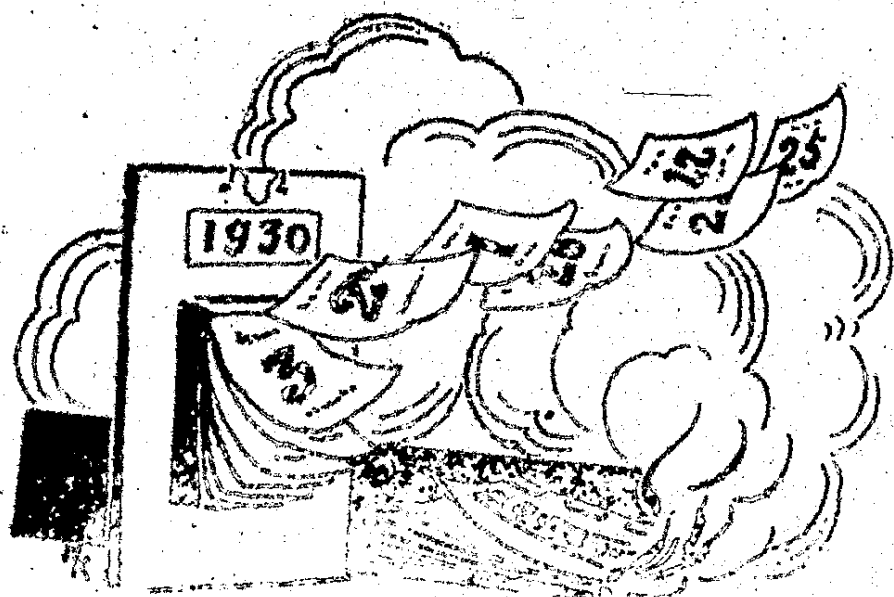
Phải cứu với lấy nơi giếng Lạc-Hồng,
Em đồng lòng cùng chị mà nói kích ngoại công.
Rủi thất cơ binh đổ giọt máu hồng,
Càng rang mặt con Rồng cháu Tiên đó em ơi !

Trung-Trắc tự tử

Ngân thay ! trăng sầu cùng gió thổi !
Sông Mê-linh nước dợn in trời,
Chẳng qua cái cuộc dâu biển nó đôi đời;
Cho nên ta dành tuyết mạng chôn này.
Tồng công đập lủy xây thành,
Ôi Nam-Việt sơn hà ! đã tan tành rồi con chi ! !
Thôi thì, lầu vi-vong từ đây em vắng bóng,
Lỗi nhịp dờn, thắm giọng con đồ-quyên !
Tức vĩ thủ kia ta chưa trả dặng,
Xui gặp thẳng Mã-Viện nó giao chinh.
Gánh gươm dân, thả trôi theo giòng,
Em đây, sức nhi-nữ cũng hết phương vẫy vùng !
Chàng có linh xin chàng chứng minh.
Em hết lòng nhân nãi với kiên-trình,
Cơ-nghiệp kia nó đã chẳng thành,
Mặt mũi nào còn đứng trong vòng trần ai nữa
chi.

Thôi thì, em mượn ngon nước sông Mê-hà,
Gieo mình này cho tang tiết gái liệt oanh,
Dưới âm-cung, chàng ơi ! có thấu tình ! !
Mảnh linh hai của em từ đây lấp chôn.

TRẦN-THANH-NGHỊ (Phan-thiết.)



VẤN-ĐỀ BỎ ÂM-LỊCH

Lịch mà thường gọi là lịch ta, hay là âm-lịch, thì cũng là bát chương Tàu, chứ ta có lịch nào riêng dân. Ngày nay đề xướng lên cái nghị-án bỏ âm-lịch theo dương-lịch, thì chắc có nhiều người phản-đối. Kẻ làm bộ ái-quốc thì nói: « Ấy chết! Phải giữ lịch ta, vì quốc-tục nằm ở trong đó. » Người làm ruộng thì nói: « Bỏ âm-lịch đi thì lấy gì mà nhớ thời-tiết để cày cấy. » Người con thờ tổ-tiên thì nói: « Ông bà tôi mất theo ngày ta, nếu bây giờ theo lịch tây, thì biết ngày nào mà cúng. » Con những kẻ mê-tin thì nói: « Lấy gì coi số? Lấy gì xem ngày? Lấy gì định hướng nhà? Lấy gì...? »

Đại-khái những người phản-đối với cái nghị-án bỏ âm-lịch, là vì cái tư-tưởng của họ còn bị trói chặt trong ba điều này: Một là sự mê-tin, hai là sự thời-tiết, ba là sự tế-tự. Xét trong ba điều ấy, cần trừ cái hại mê-tin mà bỏ âm-lịch đi, là sự đã đành rồi; còn nói về thời-tiết và tế-tự, thì dầu bỏ âm-lịch đi, cũng không có hại gì cho sự thật và đức-tin một chút nào hết.

Dân ta mà có những cái hủ-tục mê-tin rất sâu, nào là quĩ-thần, nào là bói toán, nào là kiêng cử, nào là cúng quảy v. v. . . là những thứ xiềng khóa, trói chặt ta, không cho ta lẹ bước trên đường tân-hóa văn-minh, nguyên-nhon là do ở cuốn âm-lịch cả. Muốn sống còn ở đời này, mà xem ngày mới xuất hành, mới tằm gôi, coi giờ mới dựng nóc cất nhà; thử hỏi những người thờ-giả coi cái thứ dân còn giữ những thói tin thàm tướng bày như thế, có thể nào văn-minh tân-bộ với người ta được không? Cái gốc mê-tin ấy nằm cả trong âm-lịch, cho nên phải bỏ âm-lịch đi.

Con nói về thời-tiết để làm an, thì theo vào dương-lịch cũng được, có sai chút nào đâu;

VẤN-ĐỀ QUAN-HỆ CHO SỰ TÂN-HÓA

PHẢI NÊN BỎ LỊCH TA MÀ THEO LỊCH TÂY

có phần lại đúng hơn nữa. Thời-tiết mà sanh ra, là do ở trái đất quay xung quanh mặt trời, chỗ có dính chi tới mặt trăng, là cái gốc của âm-lịch ở đâu. Tế tự, theo dương-lịch, cũng không giảm cái lòng thành-kính tin-ngưỡng của mình chút nào. Các nước khác, có dùng âm-lịch đâu, vậy có lẽ họ không biết ghi nhớ tổ-tiên của họ, và kỷ-niệm những danh-nhon của họ chăng?

Hướng chi lấy theo độ-số thiên-văn mà nói, thì mới biết dương-lịch tinh rằm, tháng, ngày, giờ đúng hơn; chứ âm-lịch có nhiều chỗ thiếu sót lắm.

Vậy thì ngày nay ta còn giữ âm-lịch làm gì mà không bỏ?

Muốn đề-xướng cho người ta bỏ âm-lịch mà theo dương-lịch, thì tất nhiên ta phải bày tỏ ra dương-lịch đối với âm-lịch, có nhiều chỗ hay chỗ đúng ra thế nào. Người ta theo âm-lịch lâu đời, đã thành thói quen có rễ sâu gốc chặt rồi, tưởng là nó hay; bây giờ phải bày tỏ dương-lịch có chỗ đúng chỗ hay hơn, thì người ta mới có thể bỏ cái nọ mà theo cái kia được.

Thế nào là dương-lịch?

Trước hết tưởng nên giải thế nào là dương-lịch và âm-lịch, và mỗi thứ căn-cứ vào đâu mà làm ra.

Phép làm lịch mà các nước trong thế-giới thường dùng xưa nay, đại-khái chia ra làm ba thứ:

1. — DƯƠNG-LỊCH

Thứ lịch mà ta kêu là dương-lịch (陽曆) thì chính là lịch tây, ta vẫn dùng bây giờ. Dương là chỉ về mặt trời; tính theo độ-số mặt trời mà làm lịch, cho nên kêu là dương-lịch.

Thiệt vậy, dương-lịch lấy mặt trời làm chủ, cứ tính trái đất quay xung quanh mặt trời được một vòng thì là một năm. Tính cho đúng ra, thì một năm có 365 ngày, 5 giờ, 48 phút, 46 giây. Tức là



365 ngày với 2422 phần muôn (10.000) của ngày ; hay nói rõ hơn nữa, là một phần chia tư của ngày vậy. Song tính như vậy thì lồi thối, nên người ta bỏ số lẻ đi, mà chỉ giữ số chẵn cho gọn, mới định chắc chắn một năm là có 365 ngày.

Tuy vậy, mỗi năm còn cái số lẻ là 2422 phần muôn của ngày, hay là một phần chia tư của ngày kia thì làm sao ? Nếu bỏ hẳn đi, không kể tới nữa, thì năm nay sai một chút, qua năm sai một chút, lâu rồi thành ra sai bậy cả đi, không đúng ngày tháng, không đúng thời tiết, và không đúng với cái số chắc của trái đất quay xung quanh mặt trời một vòng nữa. Muốn cho cái độ-số của trái đất quay xung quanh mặt trời được đúng luôn luôn, nên người ta phải lượm cái số lẻ mỗi năm dư ra một phần chia tư ngày đó, gộp lại bốn năm, mà đặt ra một ngày nhuận (閏). Năm nào có ngày nhuận đó thì kêu là năm nhuận, là vì lẽ như thế. Hỏi tại sao lại bày ra ngày nhuận làm gì vậy ? Đều đó dễ hiểu lắm. Trên đây đã nói rồi, vì mỗi năm dư ra một phần chia tư ngày không kể, thì bốn năm phải gộp bốn cái dư đó lại mà làm một ngày nhuận, để cho đúng với độ-số của trái đất quay xung quanh mặt trời vậy.

Muốn cho đúng hơn nữa, nên cứ mỗi khi tới cuối một thế-kỷ (mỗi thế-kỷ là 100 năm) thì bớt đi một ngày nhuận. Cứ 4 năm, có một ngày nhuận, tức thì là 400 năm có 100 ngày nhuận mới phải, song vì tới cuối cùng một thế-kỷ, bớt đi một lần nhuận, thành ra 400 năm chỉ có 97 lần nhuận mà thôi.

Đó, vì phép tính toán xếp đặt như vậy, cho nên san đi sót lại, mà tính trung-bình, thì mỗi năm, trái đất quay xung quanh mặt trời một vòng, sai chạy không tới 26 giây đồng-hồ.

Muốn cho rõ ràng hơn, thì ta phải làm toán ra như vậy :

Số ngày trong 400 năm :

$$400 \times 365 \text{ ngày} = 146000 \text{ ngày}$$

cộng với 97 ngày nhuận thành ra : 146097 ngày.

Số ngày mà trái đất quay xung quanh mặt trời được 400 vòng :

400 vòng - 365 ngày 2422 146096 ngày 88.

Số ngày mà trái đất quay xung quanh mặt trời trong 400 năm, sai đi hết là bao nhiêu :

146097 ngày - 146096 ngày 88 = 0 ngày 12.

Vậy là mỗi năm trái đất quay xung quanh mặt trời một vòng, chỉ sai có :

0 ngày 12 : 400 vòng = 0 ngày 0008 hay là 25 giây 92.

2. ÂM-LỊCH.

Âm là chỉ về mặt trăng ; lịch tính theo độ-số mặt trăng, cho nên kêu là Âm-lịch (陰曆).

Âm-lịch lấy mặt trăng quay xung quanh trái đất được một vòng, thì làm một tháng. Nói trái lại, tức là cứ mặt trăng gặp mặt trời một lần, là một tháng, nghĩa là âm-lịch, lấy mỗi một kỳ hiệp-sóc (合朔, là kỳ mặt trăng gặp mặt trời) làm một tháng vậy. Mỗi kỳ hiệp-sóc, ước chừng phải 29 ngày và 13 giờ.

Nếu tính số lẻ ra 13 giờ như vậy cũng lồi thối, và lại phải ráp cho đúng cái số của kỳ hiệp-sóc mới được, cho nên người ta mới định ra tháng có 29 ngày, tháng có 30 ngày. Tháng 29 ngày, kêu là tháng thiếu (小月), tháng 30 ngày, là tháng đủ (大月). Mỗi năm cũng đặt làm 12 tháng, có vậy mà thôi, chớ không có tháng nào là tháng nhuận, ngày nào là ngày nhuận, năm nào là năm nhuận hết thấy. Lịch này chỉ nguyên lấy kỳ mặt trăng tròn khuyết, mà định ra tháng thiếu tháng đủ, còn ngoài ra không kể tới điều gì khác nữa ; ấy lịch đó kêu là âm-lịch.

ÂM-DƯƠNG HIỆP-LỊCH

Âm-dương hiệp-lịch (陰陽合曆) là thứ lịch tính theo độ-số cả mặt trời và mặt trăng. Chính là thứ lịch mà Tàu kêu là Hoa-lịch (華曆). Vạn-niên-lịch (萬年曆) ta gọi là Hiệp-kỷ-lịch (協紀曆) mà nhà vua ban ra cho dân dùng vậy. Lịch ta và lịch Tàu ngày nay thông-dùng, là thứ âm-dương hiệp-lịch đó ; ta quen miệng kêu là âm-lịch, là lầm. Âm-lịch là thứ đã nói trên kia, chỉ theo mặt trăng tròn khuyết mà định ra mỗi năm 12 tháng, chớ không có ngày nhuận, tháng nhuận gì hết. Thứ

lich ta dùng ngày nay thì có tháng nhuận, cho nên không kén là âm-lich dặng.

Nước Tàu hồi xưa, vẫn dùng thứ âm-lich đó, song từ đời nhà Minh (từ năm 1368 trở đi), người Tàu mới học theo cách làm lịch của người Âu-châu, hiệp độ-số ở dương, mà có tháng nhuận.

Như vậy, thứ lịch mà ta và Tàu còn dùng ngày nay, phải gọi là lịch cũ mới dặng.

Lịch cũ tính tháng, thì cũng theo như cách tính của âm-lich trên kia, nhưng mà tính năm, lại hơi giống dương-lich : cho nên mỗi kỳ 3 năm, thì dẽ thêm một tháng nhuận. Trong 19 năm, cả thấy có 7 tháng nhuận : làm vậy là dẽ ráp theo cho đúng cái độ-số trái đất quay xung quanh mặt trời vậy.

Vì sao nên bỏ lịch cũ ?

Nói đến sự bỏ cựu-lich hay gọi là âm-lich, theo như người ta đã hiện làm thì đã có mấy kẻ làm bô ái quốc, nói rằng : « Ấy chết ; chớ bỏ cựu-lich, vì có quốc-hồn, quốc-tục nằm ở trong đó. » Than ôi ! Có quốc-tục quốc-hồn nào nằm trong lịch cũ, hay là chỉ có những điều dị-doan mê-tin, cụng quấy, đồng bóng mà thôi ! Lịch cũ phải bỏ đi mà theo dương-lich mới dặng, là vì có bốn cái lý-do như sau này :

1. — Phép toán của dương-lich rõ ràng và cẩn thận hơn.

Ở đoạn trên đã nói rõ rồi : theo như dương-lich đã tính, thì trong 100 năm, trung-bình mỗi năm trái đất quay xung quanh mặt trời, không sai tới 26 giây đồng hồ. Như vậy thì tất phải qua 3333 năm, mới sai có một ngày mà thôi.

Đến như lịch cũ, năm thường có 354 ngày, năm nhuận thì tăng lên 384 ngày ; trong 19 năm tuy là có 7 lần nhuận, nhưng cộng cả lại chỉ có 6936 ngày. Lấy số ấy so với số đúng của trái đất quay xung quanh mặt trời trong 19 lần đó, cả thấy là 6939 ngày và 6018 phần muôn ; so sánh như vậy thì thấy rõ ràng lịch cũ sai đi hết 3 ngày và 6018 phần muôn. Tính trong 19 năm, thì mỗi năm sai 1896 phần muôn của ngày, tức là sai hết 1 giờ 33 phút mỗi năm. Tề ra chưa đầy 6 năm, đã sai hết một ngày rồi.

Coi đó, một dặng 3333 năm mới sai một ngày, một dặng chưa đầy 6 năm đã sai một ngày, thì

thiệt là dương-lich tính đúng hơn cựu-lich của ta nhiều lắm.

2. Ngày tháng của dương-lich dẽ nhớ hơn cựu-lich của ta.

Lịch tây và lịch ta, tuy đều là có tháng thiếu tháng đủ cả, song lịch tây thì có nhất-dịnh là tháng nào đủ, tháng nào thiếu, chớ không như lịch ta, năm nay vậy, sang năm lại khác.

Dương-lich, năm nào cũng vậy, cứ nhất-dịnh những tháng : giêng, ba, năm, bảy, tám, mười, mười hai, 7 tháng đó là tháng đủ ; tháng hai thì là tháng bằng ; còn những tháng : tư, sáu, chín, mười một, 4 tháng ấy là tháng thiếu. Tháng bằng 28 ngày ; tháng thiếu 30 ngày, tháng đủ 31 ngày. Ngày tháng như định như vậy đó, thì chẳng cần nói chi người lớn, đến những con nít sáu bảy tuổi cũng có thể nhớ rõ ràng, không bao giờ quên dặng.

Còn nói tới lịch ta, thì ối thôi ! khó lòng quá. Đã biết tháng đủ 30 ngày, tháng thiếu 29 ngày, là có nhất-dịnh, nhưng mỗi năm một khác, nếu không mở cuốn lịch ra coi, thì đó ai biết trước tháng nào là tháng đủ, tháng nào là tháng thiếu. Thật là bất tiện và khó nhớ vô cùng !

3. — Dương-lich định thời-tiết không sai.

Nói đến này, chớ không kén bị những kẻ tin mê lịch cũ, dẽ gạt quốc-tục đó, ôn bụng cười ngất mà nhắc nhở rằng : « Cho hay cựu-lich cũ, là đem thời-tiết mỗi năm gọi chép ra rằng trong ngày từng tháng thật là tiện lợi cho việc làm ruộng ; nay nếu bỏ lịch cũ đi, thì lấy gì gọi cho thời-tiết. Tháng điền này, nói rằng dương-lich định thời-tiết không sai, là nói đến hay sao chứ ? »

Những kẻ tin lấy thời-tiết mà hình lịch cũ như vậy, là chỉ biết được một, chớ không biết được hai, chớ nên mới hiện làm tới nước đó ! Số là từ khi theo con đường của trái đất quay xung quanh mặt trời mà định, chớ đối với mặt trời quay xung quanh trái đất thì có quan-hệ gì đâu. Huống chi lịch ta, tháng nhuận với không nhuận, thật không nhất-dịnh, và tháng nào thiếu tháng nào đủ, cũng chẳng biết trước ; bởi vậy cho nên cùng một tiết-khi, mà so sánh ngày tháng trong hai năm, có khi sai nhau tới một tháng. Lịch tây thì không vậy. Lịch tây định thời-

tiết rất đúng, dầu cho năm thường và năm nhuận khác nhau, mà thời-tiết chỉ sai trên dưới, chẳng qua một ngày mà thôi.

Hãy coi cái bản này, rồi nghiệm với thời-tiết thì biết là đúng lắm.

THỜI TIẾT	THÁNG	Ngày năm thường	Ngày năm nhuận
Tiểu-hàn	1	6	6
Đại hàn		20	21
Lập xuân	2	4	5
Võ-thủy		19	20
Kinh-tiếp	3	6	6
Xuân-phân		21	21
Thanh-minh	4	5	5
Cốc-vô		20	20
Lập-hạ	5	6	6
Tiểu-mãn		21	21
Mang-chủng	6	6	6
Hạ-chí		22	22
Tiểu-thử	7	8	7
Đại-thử		22	23
Lập thu	8	8	8
Xử-thử		24	23
Bạch-lộ	9	8	8
Thu-phân		23	23
Hàn-lộ	10	9	8
Sương-giáng		24	24
Lập đông	11	8	8
Tiểu-tuyết		23	22
Đại-tuyết	12	7	7
Đông-chí		22	22

4.— Dương-lịch đã thông dụng khắp cả các nước trong thế giới.— Dương-lịch đúng

như thế, rõ ràng như thế, hợp với thời tiết như thế, cho nên các nước trong hoàn-cầu ngày nay, nước nào gọi là văn-minh tấn-hóa, thì đều là dùng dương-lịch hết thấy.

Nước Nhật xưa kia, cũng theo lịch Tàu như mình, mà từ lúc duy-tân cải cách đến giờ, họ cũng thông-dụng lịch tây rồi; cũng ăn tết ngày 1er Janvier theo dương-lịch.

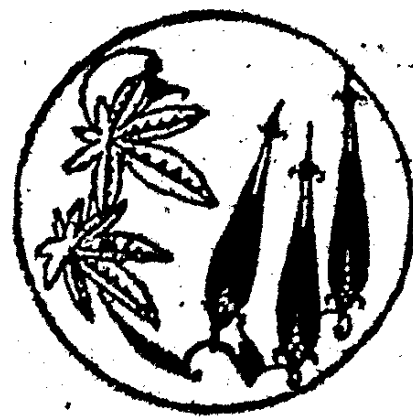
Mấy nước như Thổ-nhĩ-kỳ, Tây-ban-nha, trước cũng lấy âm-lịch làm cái nền, đặt ghi chép ngày tháng, vậy mà lâu nay họ đều theo dương-lịch.

Nước Nga, trước năm 1917, họ cũng thông-dụng dương-lịch, nhưng khác với dương-lịch đôi chút, là bốn năm có một lần nhuận, mà trong 400 năm không bớt đi ba lần nhuận, tức là thừa dương-lịch cũ. Nhưng từ năm 1917 trở đi, họ thấy dương-lịch bây giờ tinh đúng hơn, cho nên họ cũng dùng theo rồi.

Nước Tàu là tổ cội-lịch, thế mà ngày nay chánh phủ cũng hạ lệnh cho dân bắt bỏ lịch cũ đi, mà dùng dương-lịch.

Nói tóm lại, dương-lịch so với lịch ta, thì dương-lịch : ngày tháng dễ nhớ hơn ; tính độ-số trái đất và mặt trời đúng hơn ; ngày nay nước nào cũng dùng cả rồi, vậy ta không theo như người ta, còn bỏ giữ lấy lịch cũ, thật là bướng vô lý. Lịch cũ chẳng những có mấy điều sai sót như đã nói ở trên còn là cái gốc mê-tín cho mình, như là xem bói, coi ngày, kiêng cử, cúng quảy v.v. Chính là những cái mê-tiu đó làm cho dân mình chậm bước trên con đường tấn-hóa. Vậy thì lịch ta, chẳng nên xé nên vò, nên đốt, nên bỏ đi, còn để làm gì ?

ĐÀO-TRINH-NHẤT



NĂM KINH-TẾ...

Năm 1929 ở nước mình, lại là một năm đói. Đói từ con nhà cây sấu cuộc bầm, cho tới mấy người mua một bán mười.

Cuộc sanh-hoạt ở trong nước ta, mầu ruộng thước vườn, bông lúa hạt gạo, như là một cái giấy, treo hết thấy mọi việc công-nghệ, thương-mại; cho nên hệ đầu giấy trên đã đứt rồi, thì những vật gì đeo ở dưới, đều phải rớt bẽ hết.

Thật, không có năm nào mà khắp cả trong nước, từ Bắc vào Nam, lại bị nhiều tai trời ách nước, như là năm vừa rồi. Gió bão chỗ này, ngập lụt chỗ kia, nắng hạn đầu này, sâu ăn đầu khác; từ ngày 30 Juillet trở đi, cho tới cuối tháng Novembre, nghĩa là trong bốn tháng trời, mà tính số tai nạn bị thiệt hại phỏng chừng như vậy, ai không phải khiếp:

1. — Bão ở sáu tỉnh về miền trung-châu xứ Bắc-kỳ;
2. — Đại-hạn ở Hà-tĩnh;
3. — Bão lụt từ Quảng-trị vào tới Quảng-nam;
4. — Lụt ở Long-Xuyên, ở Châu-Đốc;
5. — Bão ở Bắc-liên và Camau, Phú-quốc;
6. — Chừng 2, 3 triệu dân ở khắp mọi nơi, vì những bão-lụt ấy: nhà không có ở, cơm không có ăn, áo không có che thân, bạc không có đóng thuế; đến đời phải đào cây ăn cỏ cho qua ngày, vạch đất kêu trời là hết thế.

7. — Chừng 2, 3 chục muôn nóc nhà bị đổ; riêng mấy tỉnh Nam-Định, Thái-bình ở ngoài Bắc đã tới 20 muôn rồi.

8. — Thóc lúa bị gió to nước ngập làm hại như thế, tính ra tới 10 triệu đồng là ít; trong đó, một xứ Camau bị trận bão hai tháng trước đây, đã mất tới 2 triệu, và tỉnh Thái-bình ngoài Bắc bị trận bão ngày 30 Juillet, cũng mất tới 1 triệu rồi.

Tai nạn trời làm, nông nỗi dân khổ đến như thế! Hồi đó đồng-bào xót ruột đau lòng, muốn làm việc nghĩa-quyên cứu-cấp, mà cũng không được phép làm. Tức như hồi bốn-báo xướng lên Hội-đồng Phụ-nữ Cứu-tế, mà chánh-phủ biểu đứng, vì chánh-phủ đã có phương cứu-cấp cho dân rồi. Chỉ có ngoài Bắc được mở cuộc quyên ở chỗ này chỗ kia; riêng chị em ở Hải-phong, mở ra một buổi chợ phiên, mà cũng thâu được 6.000 \$ 00 giúp cho anh em bị nạn.

Không biết cái phương cứu-cấp của chánh-phủ ra sao, chỉ biết sau khi tai to nạn lớn xảy ra như thế, giá lúa giá gạo lại tăng lên bằng gần hai lúc thường, khiến cho nhà giàu càng làm giàu, kẻ đói càng phải đói. Ai không nhớ giá lúa trong Nam ta hồi đó, lên

tới hai đồng một gia; con ở ngoài Bắc bây giờ cũng vậy, gạo an mao gấp hai lúc thường.

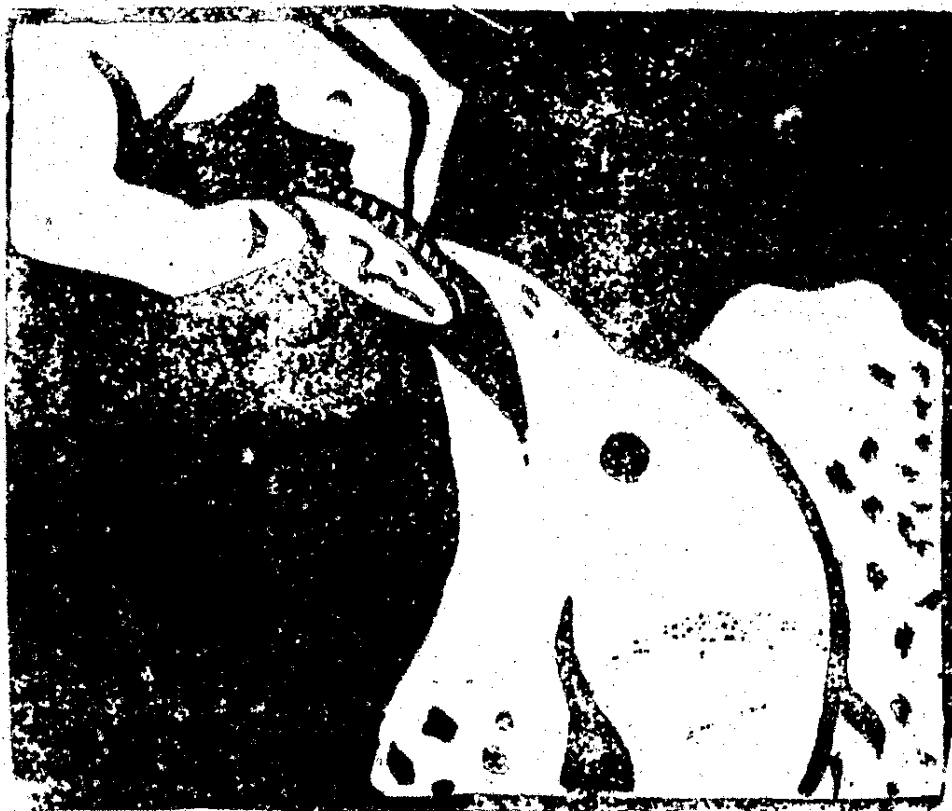
Lúa cũ trôi hết rồi, lúa mới chưa chín tới, vậy mà mấy nhà xuất-cảng gạo cứ được phép đem gạo ra bán ở ngoài, thành ra làm cao vọt giá gạo lên; ai đâu được lời, chớ dân đói ở giữa chết chết. Dân la trời, năn nỉ nhà nước hãy cấm gạo xuất-cảng đi, nhưng tiếng nói của dân, đâu có mạnh bằng tiếng nói của mấy hãng gạo, cho nên gạo vẫn chớ ra ngoài, ai có đói ở trong, trời kệ!

Ruộng ruộng mùa màng ở nhà quê mất, làm cho cuộc buôn bán công-nghệ cũng trôi theo. Sản tháng cuối năm mới rồi, có công-nghệ nào không bị kém sút, buôn bán gì không la ế hàng? Trước sau có mấy chực tiệm Huế-kien khánh-tận, cuốn gói về Tàu, tính ra đến 5 triệu đồng bạc. Ai mất? Các hãng buôn tây, thuở nay tin khách-trủ là thiệt thà, chớ không tin An-nam, cho nên bán chịu chớ họ cố sức; bây giờ đó, mở mắt mà coi!

Nói chuyện kinh-tế năm rồi, thật không nên quên rằng nhà nước đã đặt ra Kinh-tế Đại-hội-nghị, chỉ bàn riêng về vấn đề kinh-tế, và cho dân ta cũng được tham-dự vào, có quyền quyết-nghị như người tây. Miệng nói bằng nhau, nhưng đầu người vẫn kém. Tuy vậy, cũng là việc buồn tha lẫn lẫn, ta nên chú ý.

Chúc giàu...

(Ông Trần-quan-Trần vẽ theo ý thơ của ông Tú-Xương)



Nó lại mừng nhau cái sự giàu,
Trăm ngàn, vạn, mở để vào đầu?
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc,
Đồng rụng, đồng rơi, lọ phải cầu.

NĂM VĂN HỌC...

Nói rằng năm văn-học, chẳng phải là nói năm 1929 vừa qua đây, trong đầu văn-học nước ta, có nguồn tư-tưởng gì mới, có cuộc nghĩ-luận nào hay, có cuốn sách nào rung động lòng người, có văn-sĩ nào trên trời sa xuống đất.

Báo-giới thì vẫn là con vịt bị trời chun, bơi quanh trong vũng nước; còn sách vở thì vẫn là phương thuốc ru ngủ, đồ đồ nhiều hơn thứ hay! Vậy cái gì đâu là văn-học? Các nhà cựu học có tư tưởng mới như ông Ngô-dức-Kê, ông Lê-Huân thì dất nhau về trời lẫn lộn; còn các nhà tân-học có tài: ông Ninh còn nam trong khám, ông Bùi còn đang lo thấp lại Đuốc-nhà-Nam, ông Long thì nhường báo-bán trường về vườn dưỡng lão, ông Vĩnh thì mắc mớ Niên-lịch Thông-thư, ông Quỳnh đang lo binh vực cho quan-trưởng ngoài Bắc; như vậy thì đâu cho có nhiều thợ, vác gạch khuôn vôi, xây dựng cho nền văn-học?

Thật, trong nam mới rồi, nếu không có những người như ông Nguyễn-công-Tiểu nghiên-cứu và phát-mình mấy điển về khoa-học, gởi qua-hội-ng nghị ở Java, ông đốc-tờ Nguyễn-Văn-Luyện lãnh phần-thưởng của Y-học Hàn-Lâm-Viện hay là không có những người như ông Vũ-dình-Hải đã viết bài kịch « *Dernier Espoir* » để trả lời cho kẻ vu người mình muốn cộng-sản, nếu trừ mấy cái đó ra, thì có lẽ ta nói được rằng trong vườn văn-học của ta về năm

Chức con

(Ông Trần-quang-Trần vẽ theo ý thơ ông Tú-Xương)



Nó lại mừng nhau cái sự con.
 Sinh năm đẻ bầy được vuông tròn,
 Phở phờng chắt hiệp người đông đúc.
 Bồng bế nhau lên nó ở non.

vừa qua, không có nhánh hồng nào tươi, chum trái nào chín cả.

Tuy vậy, hình như ta cũng đã gieo được một giống hạt, nay mai nảy mầm đâm rễ, sanh lá trở hồng, làm cây mát mẻ tốt tươi trong vườn văn học ta được; ta nên chú ý.

1 - Việc sửa sang chữ quốc-ngữ.

2 - Hiệp nhứt tiếng Annam,

Cái vấn-đề sửa đổi lại năm dấu ở chữ quốc-ngữ, đề cho tiện dùng, cho dễ viết, là một vấn-đề xướng lên đã lâu, và có lẽ phần đông người Việt-nam đều muốn. Song mạnh-bạo mà cổ-dộng và thiệt-hành, ta nên nhân là tự ông Nguyễn-văn-Vĩnh. Cách-thức của ông bàn nên sửa đổi, mà chúng ta đã thấy thí-nghiệm ở báo *Trung Bắc Tân-Văn* đó, không biết đã là hoàn-thiện và trúng ý mọi người chưa, nhưng mà chính cái vấn-đề cải-lương, hoặc làm cách này, hoặc sửa lối kia, vẫn là vấn-đề cần-kíp.

Một nước như Thổ-nhĩ-kỳ, học chữ viết chữ Arabe mấy ngàn năm, mà trong một buổi sớm mai, họ đổi hẳn ra văn La-tinh hết còn được thay; vậy ta tiếc gì mà không sửa mấy cái dấu ở chữ quốc-ngữ đi cho tiện.

Còn cái vấn-đề hiệp-nhứt tiếng Annam, mà các nhà ngôn-luận, các nhà giáo-dục đã đề-xướng ra trong vòng cuối năm vừa rồi, càng là vấn-đề cần-kíp lắm. Ai thương nói thương nước, ai muốn mạnh muốn nên, thì phải cùng nhau chung lòng hiệp sức mà làm việc ấy đi!

Tiếng Annam vẫn chung một nguồn gốc, mà chỉ vì thời-thế chia rẽ nó ra, những kẻ vô ý-thức chia rẽ nó ra, cho nên mới có những người lạ lùng như ông Hội-đồng Sâm, ông Giáo-sư Thờ dám nói rằng: « Sách Nam dùng Nam, sách Bắc dùng Bắc. » Than ôi! Chúng-tộc nước Nam có một, cảnh-ngộ người Nam có một, thì nguồn gốc tiếng Nam cũng có một mà thôi; nếu có những tiếng tục-ngữ thổ-âm nào hơi khác nhau, mà khiến cho những kẻ vô-học tưởng lầm là khác, thì bây giờ ta phải lo hiệp-nhứt lại. Hiệp-nhứt tiếng nói, tức là hiệp-nhứt sức mạnh, hiệp-nhứt tác lòng, để mà tấn-hóa.

Sự hiệp-nhứt do ở các báo, do ở các sách giáo-khoa, là một vấn-đề rồi; còn nên mở Toàn-quốc-Hội-ng nghị để bàn định, như chúng tôi đã mong mỏi, lại là một vấn-đề nữa. Mở Hội-ng nghị, có lẽ thâu con đường hiệp-nhứt được vắn lại và mau hơn là sách giáo-khoa.

Vấn-đề hiệp-nhứt tiếng nói, của cả dư-luận trong nước, bàn trong năm đã qua, mong sao năm nay giải-quyết được phần nào, ấy tức là đã khởi công xây nền văn-học vậy.



Thơ gởi cho bạn ở Hà-thành

Một người con gái mắc tiếng oan,
viết thơ này tỏ than với bạn

Thăng-long từ thuở chia tay,
Bắc Nam đôi ngã bấy chầy năm năm.
Con cá nhạn vắng tăm lẫn bóng,
Biết lòng chàng trông ngóng tin ta.
Đồng-nai muôn dặm Nhị-hà,
Mây bay nhẹ cánh tuy xa cũng gần.
Thơ muốn viết, tần ngần chẳng viết,
Giải cùng chàng khôn xiết niềm tây;
Vách tai rừng mạch dầu đây,
« Lay ông tôi ở bụi này » làm chi?
Tình phần-tử nhiều khi như giục,
Nghĩa kim-lan lắm lúc như xui,
Giục xui ta những ngậm ngùi,
Ngôn-ngang sâu chắt, sụt-sùi châu sa.
Tùng mây độ sương pha gió trải,
Lại bao phen nấn : giải mưa dầu.
Phong-trần da rám màu nâu,
Trông gương bạch-diện khác màu năm xưa.
Kiếp hồ hải duyên ư phận tử,
Bước công danh thời rủi vận may.
Cuộc đời bĩ-thái vẫn xoay,
Mấy phen chìm nổi chưa đầy vài năm.
Nào những lúc tiếng tăm khen ngợi,
Lại những khi kẻ chưởi người hờn.
Khen chê đã lắm tiếng đồn,
Đến tai chàng hẳn bõn-chồn vì ta.
Gớm cho kẻ bấy ra chước dối,
Buộc hiềm nghi nhờ mối ghen tuông;
Nỗi này càng nghĩ càng thương,
Gà cùng một mẹ trong chuồng đá nhau.
Gớm cho gái Thị-Mầu dĩ nết,
Muốn tiều (1) này, tiều biết làm sao?
Lụ nhau đã chẳng được nào,
Tăng-hải lại nở buộc vào chơn-ni (2)
Sự oan uổng nín đi cũng tội,
Mà nói ra khó nỗi rĩ hoi.
Quần bao miệng thế chê cười,
Chuyện ta, ta biết, việc đời, đời hay
Vàng gập lửa bấy nay nung-nấu,
Đau đớn thay, ai thấu cho vàng!
Nấu nung càng dạn lửa than,
Tuổi càng thêm trọng, vẻ càng thêm tươi!
Thôi từ ấy, việc người chẳng bận,
Dầu thị-cư đại-ân bất phòng (3)

Bảo-thân cho khỏi mắc trông,
Sớm khuya một ngọn đèn chong vui-vầy.
Chi xá quần thân này đời rách,
Miền làm sao cho sạch cho trong!
Bán văn lo đủ nuôi lòng,
Con đường danh-lợi chẳng hòng đua tranh.
Thời buổi này còn vinh chi nữa?
Nhục mà thôi, nhục cả non sông!
Đã mang một cái nhục chung,
Há còn len-lỏi, mắc vòng nhục riêng.
Tam ở ăn lo chuyện việc học,
Sách cổ-kim lựa-lọc tinh-thần.
Một là dưỡng-khí tu-thân,
Hai là trừ-tác dây lần đàn em.
Tắm hoai-bảo vì đem tỏ rõ,
Thêm trò cười, để đó còn hơn!
Quyền vàng gởi chốn danh-sơn (4)
Biết ta chẳng, có kỳ-nhơn sau này...
Tâm-sự ấy giải-bầy cùng bạn,
Dầu bao nhiêu khôn cạn khúc-nôi.
Lòng ta chàng đã biết rồi,
Lựa là phải nói nhiều lời làm chi?

Vô-DANH-THỊ

(1) Sãi nhỏ tuổi kêu là *tiều*, xưng mình là *tiều*.

(2) Tăng-hải là giày thầy sãi. Chơn-ni là đàn bà đi tu chân-thành. Sự-tích thầy sãi bỏ lên đôi tăng-bài vô dưới giường nàng Chu-thị, chồng nàng thấy, nghi cho nặng mà đuổi đi. Thầy sãi bỏ chùa đi kiếm nàng lấy. Cơ-mưu đó sâu mà ác lắm vậy!

(3) Đại-ân thành-thị, tiểu-ân lâm-tâu, nghĩa là : người ăn lớn ở giữa tỉnh, người ăn nhỏ ở trong rừng. Câu này nghĩa là : người đại-ân, có ở giữa thành-thị cũng không sao.

(4) « Tăng chi danh-sơn, truyền chi kỳ-nhơn » nghĩa là giấu sách kia trong núi có tiếng, để lại cho người nào xứng-dáng đọc nó. Câu này là của ông Tư-mã-Thiên, nhà viết sử rất có tiếng của Trung-quốc.





Danh-kỹ với danh-sĩ

Trương học-sanh con nhà giàu lớn, nổi tiếng văn-chương tài-học ở đất Hàng-châu. Nhon gặp tiết xuân, về chơi xuân ở Bắc-kinh. Nghe nhiều người nói, trong lầu Danh-hương có một người đệ-nhứt danh-kỹ tên là Hoàng-bích-Vân; chẳng biết nàng có sắc đẹp đến thế nào, mà khắp bọn khách-du ở Bắc-kinh xưa nay, chưa ai được nàng thử-tiếp! Lệ thường, những vương-tôn qui-khách, ai muốn vào chơi thì phải đưa thiếp-danh và nạp trước 500 lượng bạc; con thị-tỳ nhận rồi, mời khách vào ngồi đợi, để cho Bích-Vân ra núp một chỗ kín, coi mặt, nếu trông mặt có thiệt là người đáng tiếp thì nàng mới tiếp, không thì trả bạc mà mời ra! Khách vào xưa nay, toàn là những khách bị mời ra cả!

Trương học-sanh nghe nói, lấy làm lạ, liền đưa thiếp-danh và bạc đến. Thị-tỳ ra nói:

— Nay nhơn dịp mùa xuân, số bạc phải tính gấp đôi. Vay xin đưa đủ 1.000 lượng thì sẽ xin mời vào nhà khách.

Trương-sanh cũng bằng lòng đưa thêm 500 lượng nữa.

Vào ngôi nhà khách, đợi hồi lâu, mới thấy thị-tỳ ra nói:

— Xin mời qui-khách vào nhà giữa, nường-nường sẽ ra tiếp.

Trương-sanh lấy làm đặc-y vô cùng, vì mình được nàng tiếp kiến, thì tất-nhiên nàng đã nhận mình không phải là tục-khách rồi!

Đứng đây, theo thị-tỳ đi vào, qua bảy tám lớp hiên, lên chín, mười bậc thềm, mới tới nhà giữa, ngắm cách trang hoàng trong nhà, thấy thanh-nhà và sang trọng hết bậc. Thị-tỳ châm trà mời xong, lại ngồi chờ đợi hồi lâu. Mùi hương ngát, tiếng giấy nhè-nhe, trong phòng từ-từ dần ra. . . . Trương-sanh liếc mắt trông, thấy hai bên tường người thị-tỳ, nhan-sắc, y-phục, coi tựa hàng-nga giáng-thế; đi giữa một người ăn mặc rất sơ sài, mặt không dôi phấn, mà lại rõ nhằng, những lốt

rõ nổi lên bằng trượng hột đậu cả. Khuôn mặt đã thô, thân người lại lớn, cổ ngắn, trán rỗ, hai mắt lồi lớn như hai con ốc, coi thiệt xấu-xa hết nước.

Trương-sanh chưa kịp hỏi, thì người quái-dị ấy đã bước lên chầu, rồi kéo ghế ngồi, tự xưng là Hoàng-Bích-Vân!

Trương-sanh ngáy người ra, một lát mới hỏi:

Thiệt cô là đệ-nhứt danh-kỹ ở Bắc-kinh đó sao?

Bích-Vân cười nhạt mà đáp:

— Biết Trương-ông là người danh-sĩ nên tôi mới tiếp, song ông không hiểu hai chữ « danh kỹ », có lẽ nghĩa hai chữ « danh-sĩ », ông cũng tự không hiểu luôn! Cái nghĩa chữ « danh », cứ ý tôi xét, thì mình phải có giữ được giá cao hơn người mới thành danh-cao; cho nên « danh » với « giá » thường đi liền nhau là thế! Cái tài, cái sắc chưa đủ làm cho ta thành được « danh » đâu! Nay trong bọn kỹ-nữ, những kẻ nhan-sắc tuyệt-trần cũng có, song vì đồng tiền-tài mà họ ai cũng tình, họ ai cũng rước, há gọi là « danh-kỹ » cả sao? Ấy cũng như trong đám sĩ-phu, những kẻ tài-học lỗi-lạc cũng nhiều, song vì đường danh lợi mà họ đâu cũng lòn, họ đâu cũng cúi, như vậy há gọi là « danh-sĩ » được sao? Ôi! danh-sĩ đời nay không hiểu chữ « danh » là thế! Ngàn lượng bạc đây, nạp trả lại, kính mời danh-sĩ ra! . . .

Chiên-Quân

Khéo sanh một mảnh quần-thoa,
Cho chìm cả nước, cho sa nhận trời.
Sắc sao sắc vẹn cả mười,
Khiến cho Tào-hóa ghét người hồng-nhan.
Gót sen thơ-thần bằng ngán,
Cho xong nợ nước, cho an nội nhàn.
Bụi hồng vui-dập mình hoa,
Hoà xuân tuyết quên, sương pha bóng tàn.
Thả đàn thịt nát xương tan,
Để cao giá ngọc, để vàng khắc thau.
Đất Hồ năm cỏ dầu dầu,
Hương tận khói lạnh, sương sao mấy lâu,
Dầu cho trông giá trắng ngán,
Đến phong-trần cũng phong-trần như ai!
Vật vờ đất khách hồn mai,
Tin lòng biết gởi tờ mây nơi nào?
Trước sân lê bạc tương rau,
Bồn bê đâu thấy bóng đào vắng lại.

Ngô-Sinh





BÚC THO' XUÂN

*Tho xuân mượn cánh hồng đưa,
Hỏi thăm cảnh cũ xuân giờ ra sao?
Cảnh xuân thương liễu nhớ đào,
Sầu xuân lại lắng biết bao nhiêu lời!*

Lan-Anh em ơi! Non sông thay vẻ, hoa cỏ đua tươi: bóng thiếu quang lưng-thững đến nơi, cảnh xuân-thiên êm-dềm đã tới. Xuân tới: liễu, đào, oanh, yến, cùng hơn-hở vì xuân. Huống chi đời này, thác về sống gỏi, thân thể phù-du; khác gì bóng cây qua cửa sổ, gặp ngày xuân, dầu chẳng chào mừng đón hỏi, thì ngày xanh kia thấm-thoát, cũng như phù-dung nọ tối tàn sớm nở, xuân xanh kia có đợi chi mình!!! Cho nên ai chẳng ưa xuân tiếc xuân đi nữa, mà gặp ngày xuân, thì cũng nên vì xuân chén rượu chào hoa, câu thơ thưởng cảnh; tấm lòng xuân nào có riêng ai!

Xuân đối với ngày, xuân không riêng ai cả, nhưng ngày đối với xuân, ai có biết đâu lòng kia lại chẳng vì xuân. Lan-Anh em ơi! Cứ mỗi độ xuân sang, thì tấm lòng quê của chị, luống vì xuân mà ngồn-ngang tưởng nhớ, trông về phần-tử, thì lại mây che non Tản, sương phủ sông Hà, ngàn dặm mịt-mù, viên-hoài trăm mối. Em ơi! phong-cảnh quê xa đã mấy phen xuân đi xuân lại, thấy cây xanh tưởng liền, nhìn hoa đỏ ngỡ đào, thì mỗi sâu ngàn dặm kia lại vì xuân mà kéo dài dằng-dặc. Tiết xuân mỗi ngày mỗi vắng, tơ sầu mỗi khác mỗi dài, dầu cho ai có đem hoa tươi trộn với lòng sầu, thì sầu còn cao hơn mấy độ; đem ngày xanh đo cùng tuổi trẻ, thì tuổi xuân ngày một thêm già; cho nên chị cũng nghĩ người đời như giấc mộng, chỉ mà trôi lại phù riêng cho những nỗi thiết thời!

Ai đã sa chân xuống cõi trần-hoàn, thì đã mấy ngày tránh khỏi những nỗi «sầu sinh ly, bi tử biệt», dầu cho có hồn trời trách đất, khóc oán thảm đau, thì cao-xanh kia cũng chẳng đền bồi cho được. Vả lại, cần tạo-hóa đất bầy đã sẵn; đã trót làm người, phải cam nếm lấy mùi thế chua cay, thì **đào, oanh** xanh kia có riêng ghét chi mình, cũng

không đến-đôi quá tay đầy đoạ.

Bởi vậy, bấy lâu phong-cảnh quê xa, quan-hoài nặng mối, đã mấy phen xuân đi xuân lại, biết bao nhiêu nỗi sầu mong thăm nhớ, mà chị cũng đành liêu cùng tuế nguyệt cho qua. Nhưng than ôi, tấm lòng kia nặng với cố-hương, thì biết năm nào thừa nào cho quên được.

Lan-Anh em ơi! Mỗi năm mỗi độ xuân sang, chị lên cao trông về phía Bắc, thì chỉ thấy mây xanh khói biếc, xui cho lòng chị càng vơ vẩn nỗi sầu. Kể từ khi giã cảnh, giã làng, xa vời cố-quận, thì đã sáu thu đằng đằng, dựa gối quan-hà, trải biết bao nhiêu ngày hạ đêm đông, nắng mưa đất khách; dầu chẳng như ai làm than sương tuyết, nhưng tấm lòng hoài-cảm, thì đã bao phen vật-vã gió mưa. Đã biết rằng đường đời Đông, Tây, Nam, Bắc, ngày đời cát bụi bèo mây, mình đã được hơn người tránh khỏi vòng tử-biệt, thì cầu sinh ly kia cũng phải chiều qua sớm lại, như thuyền ai sóng mé chỡ nặng mối tình-hoài, mỗi mắt phương trời, chỉ dăm dăm trông về quê quán cũ. Than ôi! Thanh-hà ngàn dặm, mây Hàng một đám xa xa, khách-địa lạ lòng, hồn những mơ màng trong cổ mộng. Nhớ lại ngày nào chị em ta trong nguyệt sánh vai, dưới hoa ngậm vịnh, đêm xuân chưa nhấp đã say; con thuyền Tây-hồ, lơ lửng mặt nước, mà em đọc sách, chị buông chèo, lúc ấy dầu chẳng Đào-nguyên, nhưng cũng non thần lạc lối. Chị những ước mong sao cho cái ngày sum hiệp của chị em ta được dài cùng nhau như xuân mãi mãi. Nào ngờ đâu sao dời vật đổi, nước non xẻ nửa gánh sầu tình, tạo vật trên người, kẻ ở người đi chia rẽ lối!

Em ơi! Trời nam thăm thăm, mây nước mịt mù, ngàn dặm quê nhà, một tấm lòng son, bàng khuâng trăm nỗi, đông thu qua xuân lại, cảnh tốt tươi đầm ấm kia, biết vui về cùng ai? Thật, trông xuân sang luống nào lòng này; cỏ đón hoa chào như kêu dạ nhớ, hương xông ra ướp lại như ngáy ngất mùi sầu; ngày xuân kia, hoa ủ mặt liễu chau mày, cũng vì ai mà nặng lòng hoài-viên. Ôi! Xuân hỏi xuân, xuân với ta thù nhau chi vậy? Hoa xuân càng tươi, lòng ta càng héo, mưa xuân càng đượm, sầu ta lại càng nồng; xuân bao nhiêu vui, người bao nhiêu thăm, ta vì xuân biết bao nhiêu nỗi



Bức tranh Tây-Thi

Có một người làm nghề chụp hình lâu năm, cho nên đã nghiệm ra cái tâm-lý của những người tra chụp hình, phần nhiều là những người rất có tánh tư-ái. Mấy cô nào ít nhan sắc lại càng hay chụp nhiều hình.

Bữa nọ có một cô chụp hình, bắt anh chàng chụp hình sửa đi sửa lại hoài tấm hình của cô, muốn sao gương mặt cho trắng, cho xinh mới chịu. Anh chàng giảng giải hoài cho cô nghe rằng : « Mặt người ta có chỗ cao, chỗ thấp, thì phải có chỗ tối chỗ sáng, cho nên hình có chỗ đen chỗ trắng ; chỗ trắng đều cả, thì còn ra hình gì nữa. Huống chi, người nào có da trắng như bột, mà muốn họa hình, thì nhà họa hình cũng phải dùng mực đen, chớ có phải dùng vôi trắng tước đầu ! »

Cô vẫn còn nói hoài, chàng kia tức mình lắm, nói rằng :

— Tورا cô, hình, cốt cho giống mới được. Nếu cô muốn hình cô cho tốt thì chỉ bằng cô đi mua một bức họa năng lấy Thi về treo ở nhà, rồi có ai tới chơi, thì cô chỉ bức họa đó mà nói : « Hình của tôi đây », như vậy thì hình của cô mới đẹp được !

NGẠO-NGUYỆT.

Ai được lời ?...

Lật bát đã tới Tết,

Ai nấy lo gần chết.

Hỏi vậy ai được lời ?

— Chết !

C.T.

khóc oán thương đau.

Lan-Anh em ơi ! Vẫn biết xuân đi xuân còn trở lại, nọ trùng-phùng ta cũng còn mãi với xuân, nhưng niềm riêng đối với gia-hương, thì lòng chỉ mơ màng những ngày vui sum hiệp. Nam với Bắc tuy xa ngàn dặm, giang-san chung nào phải của riêng ai, mình đã nặng lòng yêu mến non sông, thì bốn phương đâu chẳng là nhà, mình ở đâu ấy là xuân ở đó.

Thôi em ơi ! bút cùn mực cạn, tâm-sự này khôn vẽ cho nên, may sớm đèn khuya tình-cảnh ấy như kêu nổi nhớ. Sớm đợi chiều trông mòn mỏi mắt, quạt nồng ấp lạnh cây nhờ em.

Madame VÂN-ĐÀI H. K. V. (Travinh)

Một nhà văn-sĩ của ta có tài
làm văn nhạo-báng

Nguyễn-Khắc-Doanh

Sĩ-phu ngoài Bắc, có lẽ không mấy người là không biết tiếng ông Tú Nguyễn-Khắc-Doanh, vì chẳng những ông là người có tài văn-chương mà thôi, lại là người có khi-phách nữa. Chính hồi cụ Phan Sào-Nam bị bắt về, xử ở tòa án Hanoi, thì ông ra giữa tòa xin chết thay cho cụ Phan.

Nay ông không còn nữa, mà văn-chương của ông còn lưu-truyền lại.

Bình - sanh, ông tài về lối văn trào-phúng người ta. Những văn trào-phúng của ông có nhiều, tiếc thay tôi không nhớ được mấy.

Ông có bài ngao ông Tản-đà Nguyễn-Khắc-Hiếu, có mấy câu rằng :

« Chứa chắc rằng anh đã chán đời ?

« Hay là đời đã chán anh rồi !

« Khỏi tin tan nát còn chi nữa,

« Giấc mộng lơ mơ có thể thôi.

Khéo trào-phúng, là đem được những tiếng « Khỏi tin » và « Giấc mộng » là tên hai cuốn sách của ông Tản-đà.

Cách mười năm nay, khoa thi Hội ở trong Huế là khoa chót. Sĩ-tử ngoài Bắc vào thi rất đông, cả ông cũng vào thi. Có ông cũ-nhơn là Trần-Dụng-Đoan vào trường thi, ngồi xổ trung-tiện hoài, hơi thúi bay ra, làm khó chịu cả những người ngồi xung quanh. Thử nhứt là có ông tú nọ là Hồ-Quang-Bi, cứ ngồi bùng mũi mà la hoài.

Đến khi thi xong, mấy người cùng rớt hết, anh em ngồi thuật chuyện ấy làm trò cười chơi, như dịp muốn thử tài thơ của ông Khắc-Doanh. Ông ứng khẩu làm bài thơ : « Phú đắc Trần Dụng-Đoan vừa làm văn vừa đánh rắm (1) thơ » như vậy :

« Phương, xú, lưu gì dễ thế-gian,

« Mà văn, mà rắm, hỏi anh Doan ?

« Vẽ voi thế cũng đòi thi-cử ;

« Khéo khi sao hay vãi ruột gan.

« Đề nhạc tiếng thơm cho đất Bắc,

« Đem chi hơi thúi tới Trường-an.

« Vô duyên cái mũi Hồ Quang-Bi,

« Hửi rắm thâu ngày bị hồng oan.

Nghe nói ông Khắc-Doanh đọc bài thi ấy xong, có ông Hồ Quang-Bi cũng ngồi đó, tức lắm, nói rằng : « Can chi nó đem cái mũi của tao vào đó. » Thiếu chút nữa hai người đánh nhau. ĐẠO-THÍNH

(1) Tiếng Bắc nói trung-tiện là đánh rắm

NGÀY XUÂN GIẢI-TRÍ

Các câu đố có treo giải thưởng

HAI CÂU THAI

I

Đi đầu mà chẳng thấy cế,
Hay là quân lía dự kế áo nâu.

TÊN MỘT THỨC BÁNH.

II

Độc lòng trả nợ nước nhà,
Đấu người không thâu, trời mà thâu cho.

TÊN MÓN ĐỒ DÙNG.

Đố một cảnh trong truyện Kiều



Lựa hai câu trong truyện Kiều, cho hợp với cảnh ở trong bức hình này.

III

Thế-lệ dự cuộc thi

Chức-vị độc-giã muốn dự cuộc thi, xin đáp cho đủ hai câu Thai, và lấy một câu trong truyện Kiều, chỉ trúng vào hình vẽ. Phải cắt tâm hình đã in sẵn trong báo, rồi viết câu mình kiếm ra

ở dưới. Nếu không cắt hình đó, thì bốn-bảo nhận là không hợp thế-lệ dự cuộc.

Thơ gửi đến dự thi, phải để một hàng nầy ở ngoài bao: **Dự cuộc chơi giải trí mùa xuân.**

IV

Các giải thưởng

Giải nhất. — Một cái ly bằng đồng của ông Phụng-văn-Lâm chủ hiệu Đức-Lợi tặng.

Giải nhì. — Một cặp mặt gôì thêu lớn, của tiệm thêu ông Nguyễn-văn-Điệm tặng.

Giải ba. — Một vuông khăn đội thêu thiệt khéo, của P. N. T. V. tặng.

Ngoài ra còn 47 giải thưởng bằng đồ dùng và đồ chơi nữa.



Cảm tác ngày xuân

Xuân về đó nữa chị em ơi !
Quang-cảnh trời Nam đã đổi dời.
Tắc lờn tuổi nhiều không lẽ khóc,
Nhà suy nước bi, hỡi ai cười !
Đào thơ liêu yếu tuy thân gái,
Áo ấm cơm no cũng nợ đời.
Xong xộc cái già chừng đã đến ;
Liệu mở ngõ ngán, liệu mà chơi !

Madame PH.-NGỌC-ANH

Cảnh xuân

Thấp thoáng ngàn mai bóng xế tây,
Khi trời thoang thoang xạ hương bay.
Núi non bát ngát in màu nước,
Cây cỏ mịt mù nhuộm sắc mây.
Riu rít vườn đào chim yến đậu,
Phất phơ bờ liễu gió xuân lay.
Bốn bề phong-cảnh đều tỏ mới,
Lai láng hồn thơ, khách tỉnh say.

Mme NGUYỄN-ĐÌNH-HOÀNG Institutrice

CÁC CUỘC VUI XUÂN MỚI

Phân Nhi Đồng

Có ba phần thưởng lớn và rất nhiều phần thưởng nhỏ để thưởng các trò đáp trúng mây cuộc đố dưới đây :

Phần thưởng nhất : **Một cái máy hát và mười cái đĩa hát.**

Phần thưởng nhì : **1 con Búp-bê lớn thật tốt giá 10 \$ 00.**

Phần thưởng ba : **Một cái xe rút (auto skiff) để tập thể thao.**

Và 47 phần nữa, hoặc thưởng truyện sách hoặc thưởng báo. — Như có nhiều trò đáp trúng, thì sẽ bắt thăm thưởng đủ số 50 trò.

Các trò muốn dự cuộc thi này phải tuân theo thể-lệ kể sau đây :

1. — Phải đáp mây câu đố về phần văn-chương và gửi cho trúng 4 cái hình vẽ phần giải-trí.



Nghe gà la, chủ nhà chạy ra, thấy một con ó (diều hâu) má mắt bết một con gà con. Vậy các em thử kiếm coi con gà con tròn đầu? Chủ nhà ở đâu? Con ó ở đâu?

2. — Phải cắt đủ 4 tâm hình đồ này rồi làm dấu chỉ rõ những hình, những thú, mà h kiểm được; đoạn hiệp với câu đố về phần văn-chương rồi bỏ chung vô bao thơ mà gửi đến cho bốn-báo, ngoài bao thơ phải viết một hàng phía trên: Dự cuộc thi Xuân phân Nhi-Đồng, nếu không y theo thể-lệ đã dặn, thì bài thi sẽ hủy.

Phần văn chương

Trong những chữ này các trò hãy lựa sắp cho thành bốn câu tục-ngữ Annam :

BỒI, CHÈ, NÓI, HỒNG, UÀ, BỎ, MỘT, BÔNG, GÀO, XE, RIM, NƯỚC, LẠT, MỘT, LỬA, KHEN, MUON, SUNG, NGON, NGÁI, LÔNG, CHẮNG, THỪA, DẠ, CHƠ, MỘT, BUỔI, CHÁO,

Phần giải trí

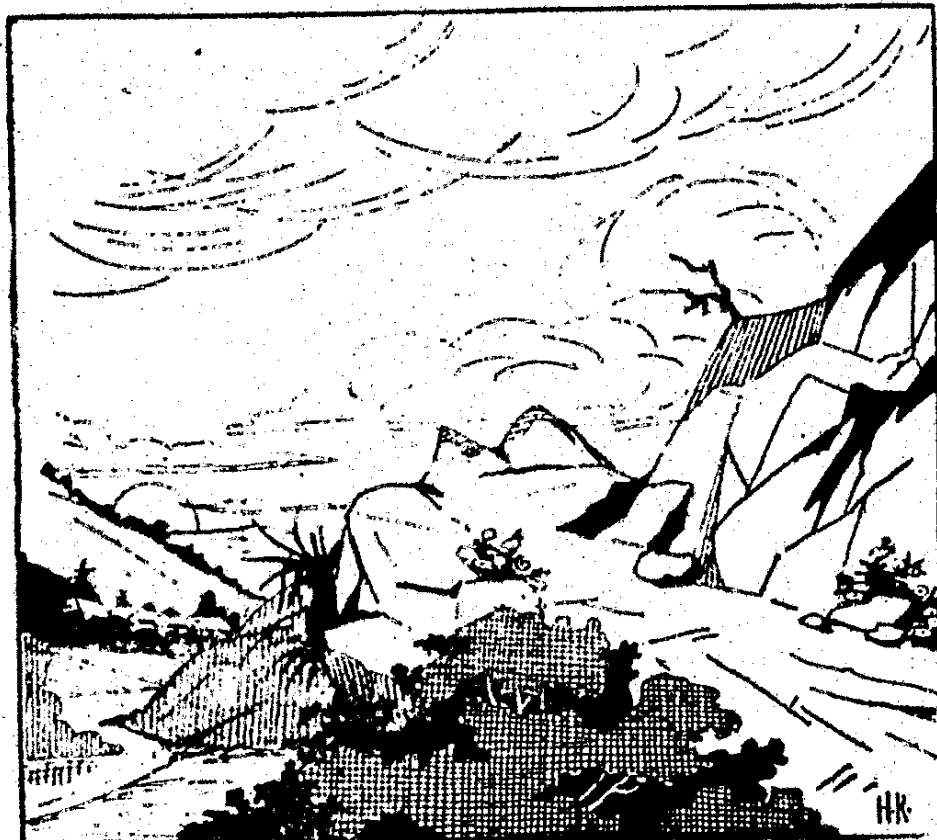
Kiểm chỉ cho trúng mây câu hỏi trong bốn tâm hình này.



ĐỒNG-ĐANG CÓ PHỐ KỶ-LƯA

CÓ NÀNG TÔ-THỊ, CÓ CHÈA TAM-THANH.

Vậy nàng Tô-thị ở đâu? Con nàng ở đâu?



Thơ qua Dèo Ngang của bà huyện Thanh quan có bốn câu :

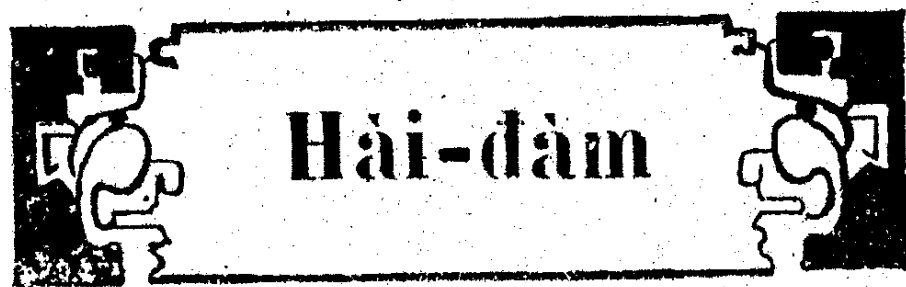
- « LỘM KHOM DƯỚI NÚI TIÊU VÀI CHƯ,
- « LẮC ĐẮC BÊN SÔNG CHỢ MẮY NHÀ.
- « NHỚ NƯỚC ĐAU LÒNG CON QUỐC QUỐC,
- « THƯƠNG NHÀ MỠI MỆNG CÁI GIA-GIA,

Vậy mấy chủ tiểu, con quốc-quốc, cái gia-gia chim Đa-đa ở đâu ?



Cô Tư đi du xuân, tới con sông này chỉ thấy có chiếc thuyền dậu đỏ, còn chủ lái dậu đâu, kêu hoài chưa thấy.

Vậy các em kiêm chủ lái dậu giúp cho cô



Bị gái gạt...

Nhiều anh mê gái, từng bị lăm miêng thật là đáng cay, vậy mà thiên-hạ không chừa không sợ, vẫn o mèo ve gái như thường.

Nhà bà cả Giàu có hai người con trai. Người con lớn đã có vợ. Thằng em thì chưa ; lại mới có 18 tuổi.

Đến ngày vợ người con lớn nằm chỗ, bà mẹ vợ có tánh cứng con gái mình, sợ mẹ chồng nuôi tất tuổi không được kỷ lưỡng ; bèn cho cô con gái út qua nhà bà cả Giàu, đang nuôi chị nó.

Cậu con trai thứ bà cả Giàu, thấy cô út qua nuôi chị, thì sanh bụng tạo, cứ theo ve vãn hoài. Anh Hai nhà ta cũng vậy : phòng riêng chiếc bông đã lặn ngày, nay thấy em vợ gái tơ vừa độ, mà đồ

đương xuân, thì cũng có ý tò vò đi nó.

Cô út khó chịu cho cái tánh dè xồm của hai anh em nhà này, bèn nghĩ ra một mẹo, gạt lữ ấy chơi cho bõ ghét.

Bữa nọ, cô hẹn với anh rề, đứng nửa đêm ra sau vườn sẽ có cô, mà phải giã tiếng mèo kêu làm hiệu cho dễ tìm, vì e đêm khuya trời tối. Cô cũng dặn chú Ba nhà ấy như thế nữa.

Nửa đêm, đầu này anh Hai ra vườn, bắt chước tiếng mèo kêu ngao ngao ; chú Ba cũng ra vườn mà kêu ngao ngao... chắc lúc bấy giờ người nọ cũng đã mừng thầm rằng tình-nhơn y-trước.

Hai bèn đi lần riết tới, đứng đầu, té ra hai anh em nhà. Anh nột quá, hét lên rằng :

— Đêm hôm khuya khoát, mày ra đây làm gì vậy hả ?

Tôi đi ngắm thơ thưởng nguyệt chơi. Ấy, còn anh đi đâu đó ?

Tao cũng đi thưởng nguyệt ngắm thơ chơi cho đi đầu ! Thằng hời chương hời ?

THẢO-MAI

CHUYỆN VUI NGÀY XUÂN

DÌ PHẢI THẮNG CHẾT TRÔI, TÔI PHẢI ĐÔI SÁU SÀNH.



ó là một câu tục-ngữ của ta, để tả cái cảnh-ngộ hai người con gái cùng giống nhau, cùng bị gạt như nhau. Câu tục-ngữ đó, cũng có tích cũ chuyện xưa, vui lắm.

Ngày xưa, có vợ chồng ông chủ-điền kia, tiền kho, thóc lăm, mà chỉ sanh được một cô con gái. Cô tuy chẳng có nhan-sắc nghiêng nước nghiêng thành, song cũng mặn-mà có duyên, nét na dũ vẻ. Vợ chồng ông chủ-điền tuy đã giàu có mặc lòng, song vẫn là cái túi tham không đáy, cho nên chỉ ước ao làm sao ngày sau kiếm được một người rể cho thiệt giàu nữa.

Bên nhà ông bà ở, có một anh thợ hồ, vào hạng nhà đồ vách xiêu, sớm no chiều đói. Ngày nào anh ta cũng phải đi làm từ hồi sớm mai tới chiều tối mới được về. Làm ăn rất là cực khổ mà vẫn không được ấm no, anh ta lấy làm tức lắm. Anh thấy vợ chồng ông chủ điền đã giàu có sung-sướng, vậy mà còn có tánh tham, nên anh ta khinh, muốn làm cho ông bà bị gạt một phen chơi cho bõ ghét. Sau nữa, may ra phước trời nhỏ xuống, thì được sung sướng tẩm thân, khỏi phải làm ăn cực khổ.

Anh ta bèn làm quen, để qua lại nhà ông điền-chủ. Anh ta đã qua lại được rồi, thì mỗi bữa chiều sau khi đi làm về, đều chạy qua nói với ông bà cho mượn cái cân tiểu-ly (cân để cân vàng). Chiều nào anh cũng qua mượn, cứ như vậy trong hai tháng mà vẫn chưa thôi.

Vợ chồng ông chủ ruộng thấy vậy đều lấy làm lạ, không hiểu nó mượn về làm gì mà mượn hoài mượn hủ như vậy, nên ông bà để ý dò coi.

Song dò nó sao được ! Mỗi khi nó mượn cân về, thì đều đóng cửa cho kín, rồi ở trong mà cân đồ. Ông bà đứng ngoài rình, thì chỉ nghe nó xướng

lên : nào 5 lượng, nào 7 lượng, chớ mắt không ngờ thấy là nó cân giống gì ở trong. Ông bà về nhà, cùng nhau toán hoài, sau toán chắc là nó kiếm được mỏ vàng, nó mới mượn cân về để cân. Nó không muốn cho ai biết, nên mới phải đóng kín cửa lại chớ gì !



ừ đó trở đi, ông tỏ lòng thương yêu lắm, nhà có công-việc gì, cũng mời ảnh qua.

Bữa kia, ông bà kêu anh qua, ngờ ý muốn gả con gái cho ảnh. Ảnh làm bộ giựt mình, ra dáng sợ hãi, từ chối rống : « Ông bà là nhà giàu có, còn cô là người sắc nước hương trời, nhảnh vàng lá ngọc, thân nghèo hèn như tôi, đâu dám mơ-tưởng những sự như vậy. Sợ Nam-tào giảm bớt thọ-số của tôi đi. »

Ông bà thấy nó chối từ, thì lại càng chắc là thàng này đào được mỏ vàng thiệt, cho nên càng ân-cần ép gả con gái cho nó. Ông bà nói rằng : « Sự giàu nghèo không cần gì, miễn là được người con rể hiền lành tử-tế biết lo lắng làm ăn mà thôi. » Nói thiệt, anh thợ-hồ phải chịu. Khi đó, ông bà mới cho con gái hay, thì cô nhưt định không ưng, vì chề thàng kia nghèo hèn, không xứng. Ông bà phải dụ cò hoài, nói rằng : « Tuy nó là thợ-hồ, song nó mới đào được mỏ vàng nhiều lắm. Con lấy nó, sau này mặc sức mà xuống ngựa lên xe, ăn sung mặc sướng, có tiền muốn mua tiên cũng được. Lúc có tiền, thiếu gì cách lịch-sự, thiếu gì người ra luôn vào cúi ; lúc đó làm ông gì bà gì mà chẳng được. Còn ai dám kêu là thợ-hồ nữa đâu. »

Cô nghe ông bà nói êm tai, thôi thì tiếc chi cây quế trên rừng, để cho thàng mọi thàng mừng nó leo.

Hôm cưới, ông bà làm rất là linh-định sang trọng.



trời được hai ngày, cô về chơi nhà cha mẹ. Ông bà hỏi cô rằng chồng nó đã đưa vàng cho chưa. Cô nói chưa, thì ông bà xúi cô về biểu nó đưa chia-khóa rương cho mà giữ.

Cô cũng nghe lời, về hỏi chồng lấy chia-khóa để mở rương coi có vật gì hay không. Chồng nhứt-dịnh không đưa, nói rằng trong rương không có cóc-khó gì hết. Cô nghe nói vậy, trong lòng lại càng chắc là trong rương chồng mình có nhiều vàng lắm, mà chồng muốn giấu, nên lại càng theo mà năn nỉ hoài.

Thét anh chồng làm bộ giận dữ, quăng chia-khóa ra mà nói : « Đò, mở ra mà coi. Người ta đã nói rằng không có cóc-khó gì hết ; không tin, còn đòi chia-khóa làm chi nữa. » Nói vậy rồi, anh ta bỏ đi chơi.

Cô ở nhà mở rương ra coi, thì ối thôi chán ngắt, quả thiệt như lời anh nói, không có cóc khố gì hết. Chỉ có một cặp sấu làm bằng sành mà thôi. Cô lật đật về nói cho cha mẹ hay. Bấy giờ ông bà mới biết là bị mắc diêm, mà cô thì trót vì tay đã nhúng chàm, dại rồi còn biết khôn làm sao đây !

Cô có tánh thiệt thà như đêm ; ngay đêm bữa đó cũng nói thiệt với chồng rằng mình mắc diêm, nhưng bấy giờ cô lại cá chồng làm sao lấy được một người nữa cũng như cô. Anh ta liền nói : « Đã cá thì ta lấy cho mà coi, không biết chừng còn đẹp hơn và giàu hơn nữa kia. » Nói rồi, anh liền bỏ nhà đi.



Hì anh ra đi thì anh chưa định là đi đâu. Đi được nửa ngày, tới chỗ kia, thấy một tòa nhà lầu lớn lắm. Hỏi thăm người lối xóm đó mới hay là nhà một ông làm nghề thầu-khoán, giàu có lắm mà cũng chỉ có một cô con gái. Anh ta liền tới cửa nhà ông kia mà ngồi nhõm cở. Ông thầu-khoán đi chơi về, thấy anh nhõm cở ở cửa nhà ông rất sạch sẽ, khen là người hay làm, đem lòng thương, bèn kêu vào nhà hỏi chuyện nhà cửa ở dân, còn cha mẹ không, và có muốn ở mướn thì ông nuôi.

Anh ta làm bộ khóc thút thít, kể lể tình cảnh nhà nghèo mà thân mình bỏ côi bỏ cút, không có bà con chú bác gì nữa. Và xin ở mướn cho ông.

Từ ngày anh vào nhà ông rồi, thì hết sức làm việc, lật bát suốt ngày, không lúc nào nghỉ. Ông thấy vậy nên càng thương lắm, giao cho anh trông coi hết công việc trong nhà và cai-quản đám đầy tớ. Lúc đó là lúc anh ta đã có thể-lực ở trong gia-đình đó rồi, chỉ chờ có cơ hội tốt để thi kế mà thôi.

Nhà ông thầu-khoán ấy, ở gần bên sông. Bữa nọ có một cái xác trôi qua, anh liền kéo vô giấu một chỗ, rồi kiếm một lão ăn-mày mà nói với lão, nếu chịu nhìn anh là cháu thì anh sẽ cho lão tiền. Lão thấy làm việc nhẹ nhàng mà có ăn như vậy, nên chịu liền. Rồi lão theo những lời anh chàng dẫn trước, tới cửa nhà ông thầu-khoán đó mà hỏi thăm ảnh. Anh ở trong nhà, nhứt-dịnh không ra, nói thác rằng còn đang mắc công-chuyện, và không có bà con với ai hết.

Ông thầu-khoán thấy vậy, liền bảo anh : « Mày ra coi thử ai đó. » Khi ấy, anh mới chịu ra ; trở vô thưa rằng : « Có người chủ ở nhà-quê mới ra » Ông liền bảo anh ra kêu chủ vô, và mời lên nhà chơi. Chừng vô rồi, ông chủ biểu dọn cơm cho ăn, và mời uống hết rượu này đến rượu khác. No say rồi, anh liền xin phép cho chủ anh xuống nhà dưới ngủ. Nửa đêm, tự nhiên anh la làng la xóm lên rằng : « Không biết ông chủ, cho chủ tôi uống thứ rượu gì mà nay chủ tôi đau bụng quá, không biết sống chết bẽ nào ? » Ông chủ thất kinh, lật đật lấy thuốc này thuốc kia cho uống, mà bệnh của chủ anh vẫn không hết. Một lát anh ta lại la lớn lên rằng : chủ anh đau bụng đã chết rồi, anh ta phải đi trình làng tới xét.

Ông thầu-khoán nghe vậy, hết hồn, vì nếu để nó trình làng, thì ông cũng lòi thôi ; xưa nay làng vốn ghét mình, nay có chuyện nhơn-mạng ở trong nhà, đâu có phải là chuyện nhỏ. Ông theo năn nỉ nó đừng đi trình, nhưng nó nhứt-dịnh không nghe, lại nói rằng : « Cha mẹ chết hết, chỉ còn có một chủ, mà nay không biết ông chủ cho chủ uống gì, lại chết một cách la lùng như vậy, thì phải trình làng để làng xét cho ». Ông cứ năn nỉ hoài, thiếu một điều lay nó ; ông biểu nó, bây giờ muốn chuyện gì, ông cũng cho, miễn là đừng đi báo làng. Anh ta nhứt-dịnh không muốn gì hết, chỉ muốn sao cho chủ sống lại mà thôi. Tới sau, ông chủ dụ dỗ hoài, anh mới chịu nói là anh chỉ muốn lấy con gái ông.

Ông suy nghĩ lung lắm : nếu không gả thì nó làm cho mình cũng đến hết nghiệp, chỉ bằng gả



phút cho nó thì gia-tài của mình lại còn. Suy nghĩ vậy rồi, ông phải ôm bụng cắn răng, chịu gả con gái cho nó cho xong việc. Phần cô, không biết làm sao, vì tấm lòng thương cha, cô đành phải chịu.



au khi thành hôn rồi, nó xin với ông, cho hai vợ chồng khiêng chũ về nhà quê mai-táng. Ông phải cho. Hai vợ chồng khiêng xác đi; cứ ngày đi, đêm nghỉ, đi như vậy được hai ngày, đến ngày thứ 3, nó liệng cái thây đi, không khiêng nữa. Vợ thấy vậy, hỏi sao lại liệng chũ đi, thì bấy giờ, anh ta mới nói thiệt là cái xác thàng chết trôi ở ngoài sông, anh ta lòi vào, để đánh lừa như vậy mới lấy được vợ, chớ có cha chú nào đâu.

Khi anh ta đưa vợ mới về nhà, chị vợ lớn lấy làm lạ, không hiểu chồng làm cách nào mà lại lấy được người hơn mình như vậy. Bèn lặn lội hỏi chuyện người vợ nhỏ. Rồi hai người ngồi nói chuyện cho nhau nghe, thì ra hai chị đều mắc điểm hết.

Người vợ lớn nói rằng:

« Té ra, đi phải thàng chết trôi, mà tôi thì phải đôi sấu sầnh ».

Mme HƯƠNG-NHỰT

Báo PHỤ-NỮ TÂN-VĂN đóng thành tập

Hiện nay bản-báo còn được mấy chục bộ P. N. T. V. từ số 3 tới số 38, cộng hết thấy 36 cuốn, đóng thành tập, bìa ngoài bọc da, in chữ vàng, coi rất nhã.

Những tập báo này kể tiền công đóng không, cũng đã hết trên 3 \$ rồi, chớ chưa kể tới giá 36 cuốn báo. Song vì muốn cho đẹp lòng quý-vị nên bản-báo chỉ định giá mỗi tập có 6 \$ 50 mà thôi.

Quý-vị muốn mua xin gởi thơ và Mandat lại mau kéo hết.



...THỨ' CHÒM XÓM

Cô tư Hồng, vợ thầy Anh, ở đại-lộ Paul-Bert trên Đất-hộ, lâu nay đã được tiếng thiên-hạ khen ngợi là một người đàn bà thông-minh, đức-hạnh và cần-kiệm. Cô vốn con nhà ruộng rẫy -- nay ngẫu-nhiên có chồng ở chốn phồn-hoa thị tứ -- cô lấy đó làm trái ý mình, nên cũng không quên dứt đi được cái nghề trồng-tĩa đã tập quen từ khi còn ở ruộng. . .

Chầu tháng mười một rồi đây, ở Saigon, các cô thông, thím ký, người ta đang xôn xao sắm đồ diện Tết, cô tư Hồng cũng bị cái phong-trào « ăn Tết » nó lôi cuốn như ai kia vậy, song cô là một người cần-kiệm, cô lo chuyện « ăn Tết » một cách khác. Cô dóm trước ngó sau, thấy ở đằng sau căn phố cô ở có một khoảnh đất trống bằng phẳng, ước sức bầm đất rải phân, mà trồng rau cải thì tốt lắm. Tối lại cô tỏ ý cô muốn trồng ít ngọn rau ăn Tết cho thầy Anh biết... Thầy lấy làm ưng bụng vô cùng. Sáng bữa sau, cô đi chợ mua nào hột cải, nào húng-cây, húng-lủi, nào tiêu-hồi, lá quế, nào bắp-cá, rau om, đem về cặm-cui bới đất, vun phân, trồng thành một đám rau khéo quá. Từ ấy nhân sau : sáng cô bắt sâu, chiều cô tưới nước, lật bạt mới bước qua đầu tháng chạp mà đám rau của cô tư Hồng đã lên xanh kịt !

Người mình hay nói : « Cữa một đồng công một lượng », em nghĩ phải. Cái đám rau của cô tư có đáng giá là bao, nhưng cái công bới đất, vun phân, bắt sâu, tĩa lá, của cô tư rất dầy, nên chiều chiều bữa nào hai vợ chồng cũng ra đứng cửa sau mà nhìn, và lấy làm quý báu cũng phải.

Hôm mới rồi có cô thông Bảy đến chơi, cô tư dắt ra sau hè khoe đám rau. Cô Bảy khen rau tốt rồi nói :

— Ăn uống hết bao nhiêu, mà trồng nhiều quá ?
Cô tư mỉm cười, đáp :

— Ăn gì cho hết, song ăn không hết, thì Tết mình cắt mà cho chị em chòm xóm, mỗi người một ít ngọn, khỏi phải mua rau chợ, chẳng là ngộ lắm sao ?

Ở khít bên phố cô tư Hồng, có cô mười Hoa -- vợ một thầy ký giúp việc hàng buôn -- vốn là một tay « đánh bài giở » có tiếng. Hồi vợ chồng cô tư mới dọn nhà về ở gần, cô mười Hoa thường thường hề thấy chồng cô tư ra đi làm việc rồi, thì cô hay chà-lết, qua lại, rủ ren cô tư câu tòm cho vui, song lần nào rủ, cô tư cũng kiếm cớ nói mình nhức đầu, hoặc đau bụng, mà thối thác hết thảy.



Thấy rủ năm bảy phen không được, lại cũng thấy mình chũ-lết tới nhà người ta hoài, còn người ta thì không thèm bước cẳng đến nhà mình; mời ăn húng, ăn bánh chi, người ta cũng không ăn; cô mưòi Hoa ban đầu hồ thẹn, hồ thẹn rồi mắc cỡ, mắc cỡ rồi mới sanh ra oán hận. Ban đầu — khi trước cửa, khi sau hè — cô mưòi gặp cô tư hảy còn ngó ngang, liếc xéo, chớ cũng chưa lộ mặt chỉ cho thời quá. Một hôm không biết tung rỗi việc gì, cô mưòi lại hăm hồ chạy qua mưөн cô tư năm đồng bạc. Cô tư nói nhà cô tiền thiệt, song mắc chồng cô đem chia khóa tử theo mình — mỗi ngày chỉ phát đủ tiền chợ và tiền xài vặt cho cô mà thôi — nên không biết làm sao mà cho mưөн được!

Lời cô tư Hồng nói đó không biết thiệt hay dối, mà lại làm cho cô mưòi Hoa bất bình, ngoe ngoáy đi về, rồi từ ấy lời sau, cớ oán cô tư lung lắm.

Một hôm cô mưòi Hoa đang đứng ăn chuối tại cửa sau, cô bèn hảy một cái, rồi thut vô đóng cửa cái rầm!

Sáng bữa sau thấy cô mưòi đi chợ Tânđinh mua về ba con gà mái Tàu mập ú, rồi vài bữa kế đó lại thấy ba con gà mái kia hình như có ai mổ bụng chúng nó mà đặt lò-sơ (ressort) ở trong — nên hễ chủ nó vừa mở cửa sau thả ra, thì chúng nó lại đi ngay lại đám rau kia mà bươi mà phá liền!

Ban đầu cô tư còn đuổi gà, sau thấy phá quá, đuổi nó chạy đi rồi nó cũng trở lại, cô bèn kêu cô mưòi mà mề. Bữa đầu cô mưòi có lửa gà vô mà nhốt thiệt, song qua bữa sau gà lại chạy ra đám rau mà bươi nữa. Cô tư tức mình hết sức, mới chạy qua nhà cô mưòi, tính để nói phải quấy cho cô nghe, nhưng chẳng biết cô mưòi nằm trong buồng hay đi đâu, mà cửa trước cửa sau gì cũng đều đóng kín mít hết thấy!

Cô tư trở về, giận, đi ra đi vô ăn trầu hoài, thì lại nghe tiếng cô mưòi ho bên buồng vắng-vắng!

Chiều hôm ấy chồng cô mưòi đi làm việc về, cô tư bèn qua thuật chuyện gà phá rau cho thầy

nghe và xin thầy biểu nhốt giùm nó lại. Thầy cười rồi nói:

— Cô trồng rau, vợ tôi nuôi gà, chuyện thiệt trớ-trêu quá. Song tôi không hiểu tại làm sao rau của cô trồng, cô lại không rào, mà gà vợ tôi nuôi, cô lại biểu nhốt?

Cô tư Hồng nghe nói ghen ngào, song biết nói làm sao được?

Bữa sau cô Bả đến chơi thấy đám rau xơ-xáy, hỏi thăm, cô tư bèn thuật chuyện gà bươi và lời chồng cô mưòi nói với cô như trên đó. Cô Bả giận nói:

— Cái gì lại phải rào? Rau cô trồng hè cô, thì gà họ cũng phải ăn hè họ, nó có leo tới đám rau thì đập chết mà bỏ chớ!

Cô tư lắc đầu, nói:

— ... Thứ chòm xóm, bà con xa không bằng láng giềng gần, làm thẳng tay mich lòng nhau, đâu có tốt, chi?

— Mich lòng cái gì? Người ta không sợ mich lòng mình thì mình lại sợ mich lòng người ta sao?

— Chị nói vậy không phải. Ai quấy có phần nấy. Người ta quấy để cho người ta quấy, mình quấy theo họ sao nên?

Cô tư Hồng miệng nói như vậy mà bụng cô suy nghĩ nhiều, nên đêm đó đến một hai giờ khuya, mà cô còn thức lục-đục ăn trầu mãi!

Sáng bữa sau cô đi chợ mua 20 trứng gà đem về lén giấu trong đám rau 3 trứng, rồi ngồi tại cửa sau mà rình, đợi hễ thấy có mặt cô mưòi Hoa ra hè, thì cô làm bộ chạy ra đuổi gà rồi lượm vô ba trứng! Cô tư từ đó mỗi bữa mỗi làm như vậy, rồi lại kêu người ta mà bán trứng gà nữa. Cô mưòi tức vì giống gà mái Tàu hay đẻ bảy, — thù người mà hại mình — nên khuya bữa sau cũng bắt quách 3 con gà đem ra chợ bán mà lấy vốn lại!

VIÊN TIÊU-THƠ.



PHỤ-NỮ' TÂN-VĂN

Cơ-quan để phổ thông trí-thức và bình vực
quyền-lợi của đàn bà

SÁNG-LẬP CHỦ-NHIỆM
M^{me} NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN M. NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN

QUẢN-LÝ : M. TRẦN-QUÝ

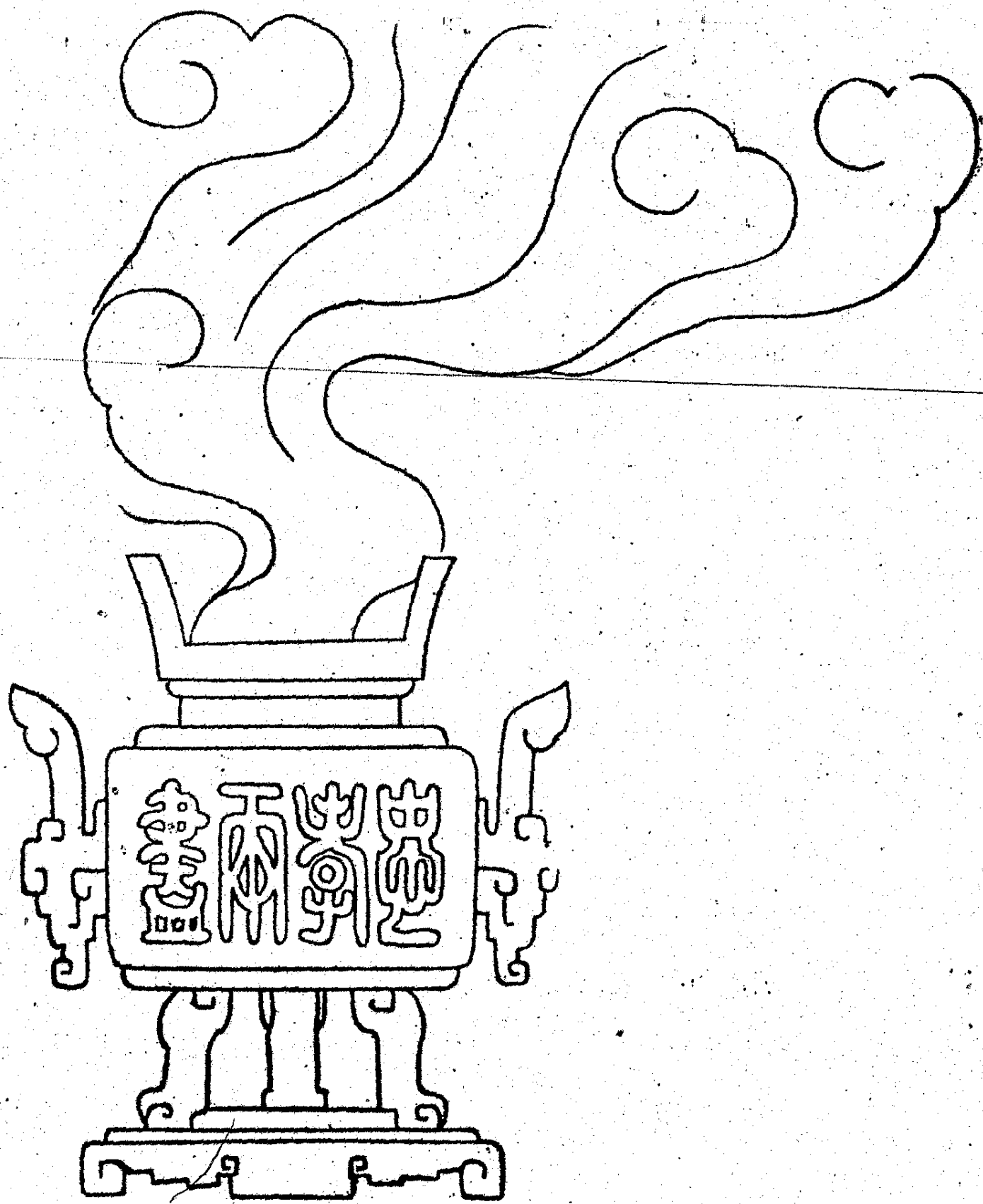
BỘ BIÊN TẬP

Quý Bà và Quý Cô NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN
HƯƠNG-NHỰT
TRẦN THANH NHÀN
LÊ HUỲNH LAN
PHẠM VĂN ANH
THU-TÂM nữ-giáo
CAO-THỊ NGỌC-MÔN

Quý Ông ĐÀO-TRINH-NHẤT
PHAN-KHÔI, *Tú-Tài Hán-học*
TRỊNH-ĐÌNH-RỪ, *Cũ-Nhơn Hán-học*
CAO-CHÁNH, *phóng-viên của P.N.T.V. tại Paris.*
HỒ-BIỂU-CHÁNH, *tiểu-thuyết-gia.*
TRẦN-VĂN-ĐÔN, *Y-khoa tẩn-sĩ.*
TRỊNH-ĐÌNH-THẢO *Luật khou tẩn-sĩ.*

BAN HỘI-HỌA

Quý Ông TRẦN QUANG TRẦN, *trưởng Cao đẳng Mỹ-Thuật Hanoi*
NGUYỄN THÀNH VINH *id.*
LÊ-YÊN *họa-sư*



X-X-X-X SAIGON X-X-X-X

IMPRIMERIE J. VIET & FILS

X-X-X-X 1930 X-X-X-X